ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2013
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN DI LINH
(Kèm theo Quyết định số: 56 /2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2.

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I	**Dọc theo Quốc lộ 20 (theo hướng từ TP.HCM đi TP.Đà Lạt)**	
1	Đoạn giáp ranh xã Liên Đầm đến đầu đường Nguyễn Văn Cừ { Từ thửa 318(29-2003) + đến thửa 237(29-2003) + tiếp thửa 620(30-2003) đến hết thửa (30-2003) Tương đương thửa 1(47-2000) đến thửa 10(47-2000) + tiếp thửa 32(54-2000) đến thửa 42(54-2000) + tiếp thửa 194(54-2000) đến hết thửa 207+ thửa 177(54-2000)}	953
2	Từ đầu đường Nguyễn Văn Cừ đến đầu đường Nguyễn Văn Trỗi { Tính từ thửa 545(29-2003) + thửa 464(29-2003) đến hết thửa 63+thửa 173(35-2000)} Tương đương 211+ thửa 176(53-2007) đến hết thửa 63+ thửa 173(35-2000)}	1.450
3	Từ đầu đường Nguyễn Văn Trỗi đến đầu đường QL 28 { Tính từ thửa 121 + thửa 67 (35-2000) đến hết thửa 200 + thửa 80(36-2000)}	1.940
4	Từ đầu đường QL28 đến ngã 4 Nguyễn Du - Mọ Kọ { Tính từ thửa 81(36-2000) đến hết thửa 174 + thửa 131(24-2000)}	2.394
5	Từ ngã 4 Nguyễn Du - Mọ Kọ đến ngã 3 bệnh viện cũ { Tính từ thửa 98+ thửa 118(24-2000) đến hết thửa 11(22-2000) + thửa 100(25-2000)}	1.940
6	Từ ngã 3 bệnh viện cũ đến hết đất xưởng cưa Quãng Lâm { Tính từ thửa 50(17-2000) + thửa 99(25-2000) đến hết thửa 216+ thửa 21(16-2000)}	1.450
7	Từ sau xưởng cưa Quãng Lâm đến giáp ranh thôn Đồng Đò { Tính từ thửa 322 + thửa 215(16-2000) đến hết thửa 18+ thửa 19(15-2000)}	953
8	Nhánh từ giáp QL 20 đến giáp đường Phạm Ngũ Lão đường tổ 4B khu 10 tính từ thửa 315+230(22-2000) đến hết thửa 357+65(22-2000)	750
II	**Quốc lộ 28 đi qua thị trấn Di Linh**	
*	**Nhánh 1: Từ đất của Bưu điện Di linh đến ngã 3 Cây Sơn (Lý Thường Kiệt)**	
1	Từ đầu đường Lý Thường Kiệt đến ngã rẽ, đầu đường Phan Bội Châu {Tính từ thửa 284 + thửa 424(28-2000) đến hết thửa 272 + thửa 404(28-2000)}	2.072

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
2	Từ đường Phan Bội Châu giáp Km 95, QL28 { Xin sửa thành Từ giáp đường Phan Bội Châu đến giáp đầu đường Nguyễn Văn Trỗi, tính từ thửa 271+ thửa 439(28-2000) đến hết thửa 38+ thửa 20(34-2000)}	1.434
3	Từ mốc Km95,QL28 đến giáp đầu đường Lê Hồng Phong Xin sửa thành từ giáp đường Nguyễn Văn Trỗi đến giáp đầu đường Lê Hồng Phong tính từ thửa 40(34-2000) + tiếp thửa 121(32-2000) đến hết thửa 3(32-2000) + tiếp thửa 30(33-2000)}	1.164
4	Giáp đường Lê Hồng Phong đến đầu đường Ngô Quyền { Tính từ thửa 29(33-2000) + tiếp thửa 2(32-2000) đến hết thửa 2+ thửa 84(19-2000)}	957
*	**Nhánh 2: Đường vào xã Gung Ré (Nguyễn Tri Phương)**	
1	Từ ngã 3 Nguyễn Tri Phương đến hết nhà số 25 Nguyễn Tri Phương { tính từ thửa 82(36-2000) đến hết thửa 16(37-2000)}	1.594
2	Từ cạnh nhà số 25 Nguyễn Tri Phương đến hết nhà số 91 Lê Lợi { Tính từ thửa 17+ thửa 105(37-2000) đến hết thửa 128+ thửa 126(37-2000)}	1.116
3	Từ cạnh nhà số 91 Lê Lợi đến giáp ranh giới xã Gung Ré { Tính từ thửa 384+ thửa 127(37-2000) đến hết thửa 7(38-2000)}	765
III	**Các đường nội thị thuộc Thị trấn Di Linh**	
1	Đường Nguyễn Văn Cừ	
1.1	Từ đầu đường đến hết ranh giới nhà số 67 { Tính từ thửa 692+ thửa 650(30-2003) đến hết thửa 988(30-2003)}	462
1.2	Đoạn còn lại { Tính từ thửa 16+ thửa 5(46-2003) đến hết thửa 118+ thửa 104(46-2003)}	405
2	Đường Lê Lai chia làm 2 đoạn	
2.1	Từ đầu đường tính từ thửa 242+ thửa 213(29-2003) đến hết thửa 162+ thửa 350(29-2003)	423
2.2	Đoạn còn lại Tính từ thửa 140 (29-2003) đến hết thửa 349(29-2003) giáp đường Ngô Quyền	405
3	Đường Ngô Sỹ Liên { Chi làm 2 đoạn}	
3.1	Từ đầu đường tính từ thửa 447+ thửa 487 + đến thửa 1265 (30-2003) tiếp đến thửa 1066 đến hết thửa 685(30-2003)	443
3.2	Đoạn còn lại Tính từ thửa 1043+ thửa 715(30-2003) đến hết thửa 1000(30-2003)	426
4	Nhánh từ giáp QL 20 đường tổ 6B khu 11 tính từ thửa 576+322(53-2007) đến hết thửa 462+416(53-2007)	490
5	Đương Nguyễn Đình Quân tính từ thửa 688+ thửa 687(31-2003) tiếp đến hết thửa 173+ thửa 176(26-2003) { Tương đương thửa 22+ thửa 21(52-2007) tiếp đến hết thửa 56+thửa 61(51-2007)}	762
6	Phan Đăng Lưu { Tính từ thửa 111+49(53-2007) tiếp, giáp đến hết thửa 106+35(50-2007)	633
7	Đường Võ Thị Sáu	
	Từ QL 20 đến giáp lô 2 cụm quy hoạch dân cư	797

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	Tính từ lô 2 thửa 210 đến hết thửa 211 (42) chạy trong quy hoạch dân cư nhà máy chè 2/9 (đoạn đường chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng)	382
	Đoạn còn lại từ thửa 120 đến hết thửa 192+ thửa 193 (52-2007)	365
8	**Khu quy hoạch nhà máy chè 2/9**	
8.1	Dẫy 1 (Ghi theo lô, thửa quy hoạch)	
	Trục đường rộng 7 m (lộ giới 6,5m) Đoạn đường từ lô A1 chạy qua đất công trình giáo dục và công viên đến lô A 136 và đến hết lô A 177 (đoạn đường thuộc trục đường Phạm Hồng Thái) (đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng)	1.161
	Đoạn đường từ lô A1 đến lô A 27 và từ lô A 178 đến hết lô A 329 (chưa hoàn thiện đầu tư cơ sở hạ tầng)	400
	Đoạn đường từ lô A 27 đến lô A 329 (chưa hoàn thiện đầu tư cơ sở hạ tầng)	382
8.2	Trục đường rộng 5 m (lộ giới 4m) (chưa hoàn thiện đầu tư cơ sở hạ tầng)	382
9	Đường Phạm Hồng Thái { Tính từ thửa 172(35-2000) + thửa 325(42-2003) tiếp, giáp đến hết thửa 284+302(31-2003)} (không tính các thửa, lô thuộc khu quy hoạch dân cư 2/9 đã được đầu tư cơ sở hạ tầng)	863
10	Đường Hà Huy Tập	
	Từ đầu đường đến hết ngã 3 Đầu tiên { Từ lô 2 thửa 205(35-2000) đến hết thửa 62+ thửa 64(42-2003)	957
	Đoạn còn lại { Tính từ thửa 435+ thửa 63(42-2003) đến hết thửa 75+ thửa 455(42-2003)}	399
11	Đường Đoàn Đức Ngọc { Từ lô 2 thửa 98 đến hết thửa 206+ thửa 124(35-2000)}	797
	Hẻm của đường Đoàn Đức Ngọc từ thửa 217+221+228+229+234+236+ 238+240+242+244+246+248 (35-2000) Sau lưng trường Nguyễn Trãi	762
12	Đường Nguyễn Văn Trỗi {Tính từ thửa 67+ thửa 363(35-2000) đến hết thửa 147+ thửa 211(34-2000)}	1.040
13	Đường Phạm Ngọc Thạch	
13.1	Đường Phạm Ngọc Thạch { Tính từ thửa 366(36-2000) + thửa 397(35-2000) đến hết thửa 3(45-2000) giáp Bệnh Viện Di Linh mới	870
13.2	Đoạn nhánh còn lại của đường Phạm Ngọc Thạch	550
14	Đường Phan Đình Giót { tính từ thửa 135+ thửa 136+ 137(36-2000)	637
15	Đường Hai Bà Trưng { Tinh từ thửa 120+thửa 135(31-2000) đến hết thửa 22+thửa 11(35-2000)}	1.019
16	Đường Trần Hưng Đạo { Tính từ thửa 78(36-2000) tiếp, giáp đến hết thửa 369(28-2000)}	1.450
17	Đường Nguyễn Huệ { Tính từ thửa 108(31-2000) đến giáp thửa 369(28-2000) công an huyện Di Linh + thửa 204+200+78+103(31-2000)}	957
18	Đường Ngô Gia Tự từ thửa 190+ thửa 248(30-2000) đến hết thửa 139+ thửa 124(30-2000)}	915
19	Đường Trần Quốc Toản	

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	Từ đầu đường đến ngã 3 giáp đường Hoàng Văn Thụ { Tính từ thửa 287+ thửa 470(28-2000) đến hết thửa 226+ thửa 321(28-2000)}	1.594
	Từ ngã 3 đến hết ranh giới nhà số 76 Trần Quốc Toản { Tính từ thửa 322+ thửa 338(28-2000) tiếp, giáp đến hết thửa 86(30-2000)}	797
20	Đường Hoàng Văn Thụ	
	Từ đầu đường đến hết đất nhà trẻ Tuổi Ngọc { Tính từ thửa 53+ thửa 107(20-2000) tiếp, giáp đến hết thửa 19+ thửa 23 (27-2000)}	1.594
	Từ sau nhà trẻ Tuổi Ngọc đến giáp ngã 3 đường Trần Quốc Toản { Tính từ thửa 24(27-2000) đến hết thửa 211+ thửa 322(28-2000)}	1.116
21	Đường Hoàng Diệu	
	Từ đầu đường đến giáp đường Lê Văn Tám { Tính từ thửa 180+ thửa 261(24-2000) đến hết thửa 323+ thửa 104(24-2000)}	637
22	Đường Lê Văn Tám	
	Từ đầu đường đến hết ngã 4 thứ nhất { Tính từ thửa 63+ thửa 68(24-2000) tiếp, giáp đến hết thửa 79(23-2000), (hết đất nhà ông Thám)}	637
	Đoạn còn lại { Tính từ thửa 80+ thửa 94(23-2000) đến hết thửa 13(20-2000)}	382
23	Đường Nguyễn Du	
	Từ đầu đường đến giáp cống nước số 1 { Tính từ thửa 74+ thửa 174(24-2000) đến hết thửa 37+ thửa 453(24-2000) giáp ngã 3 đường Đào Duy Từ}	1.328
	Từ cống số 1 đến giáp đầu đường Tôn Thất Tùng { Từ giáp ngã 3 đường Đào Duy Từ đến giáp đầu đường Tôn Thất Tùng tính từ thửa 36+ thửa 33(24-2000) + tiếp, giáp đến hết thửa 91+ thửa 58(21-2000)}	1.043
	Từ đầu đường Tôn Thất Tùng đến hết quán KaRaOke Sunny	700
	Đoạn còn lại	420
24	Đường Mọ Kọ Từ đầu đường đến ngã 3 đến giáp đường K'Đen { Từ giáp QL 20 đến giáp đường K'Đen tính từ thửa 131+ thửa 205(24-2000) + tiếp, giáp đến hết thửa 49+ thửa 48(26-2000)}	1.450
25	Đường Đoàn Thị Điểm	
	Từ đầu đường đến hết ngã 3 { Từ đầu đường tính từ thửa 120(22-2000) tiếp, giáp đến hết thửa 45+ thửa 65(25-2000), ngã 3 khu tập thể Phúc Kiến}	797
	Đoạn còn lại { Tính từ thửa 59+ thửa 45(25-2000) đến hết thửa 54+ thửa 55 (25-2000)}	680
26	Đường Đào Duy Từ	
	Từ đầu đường đến hết nhà số 34 { Tính từ thửa 185+ thửa 178(22-2000) đến hết thửa 160(22-2000)}	998
	Từ cạnh nhà số 34 đến giáp đường Chu Văn An { Tính từ thửa 123(22-2000) tiếp, giáp đến thửa 33+ 30(21-2000)}	834
	Thuộc đường nhánh đường Đào Duy Từ tính từ thửa 170+ thửa 273(22-2000) tiếp, giáp đến hết thửa 24+ thửa 43(24-2000)}	725

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
27	Đường Chu Văn An { Tính từ thửa 59(18-200) +thửa 119(17-2000) đến thửa 112+ đến hết thửa 229(21-2000)}	966
28	Đường Bế Văn Đàn { Tính từ thửa 88(22-2000) + thửa 24(25-2000) đến hết thửa 29(25-2000) cuối đường}	870
29	Đường Phạm Ngũ Lão { Tính từ thửa 22+ thửa 55 (22- 2000) tiếp, giáp đến hết thửa 296+ thửa 117(17-2000)}	1.246
30	Đường Bùi Thị Xuân { Tính từ thửa 108+ thửa 21(25-2000) đến hết thửa 155+ thửa 5(25-2000)}	957
31	Đường Tôn Thất Tùng { Chia làm 3 đoạn}	
31.1	Đoạn 1 Từ ngã 3 chùa Thanh Sơn đến giáp đường Nguyễn Du Tính từ thửa 90(21-2000) + thửa 91 (21-2000) đến hết thửa 32+ thửa 51(23-2000)}	490
31.2	Đoạn 2 tính từ thửa 33(23-2000) + thửa 49(23-2000) đến hết thửa 41+ thửa 42(23-2000)	459
31.3	Đoạn còn lại tính từ thửa 48+ thửa 84(23-2000) đến hết thửa 44+ thửa 87(23-2000)	439
32	Đường Phan Chu Trinh { Tính từ thửa 134+ thửa 386(16-2000) đến hết thửa 420+ thửa 124(16-2000)}	399
33	Đường Nguyễn Đình Chiểu { Tính từ thửa 57(15-2000) đến hết thửa 70(15-2000)}	399
34	Đường Trần Phú	
	Từ bệnh viện đến giáp đường Lương Thế Vinh { Tính từ thửa 309(22-2000) + thửa 55(17-2000) đến hết thửa 140+ thửa 173(17-2000)}	1.328
	Từ đường Lương Thế Vinh đến giáp đường Nguyễn Viết Xuân { Tính từ thửa 174+ thửa 108(17-2000) đến hết thửa 223+ thửa 220(7-2007)}	957
	Từ đường Nguyễn Viết Xuân đến giáp ranh đất hội trường khu 6 { Tính từ thửa 184+ thửa 161(7-2007) + thửa 366(2-2007)+ thửa 16(7-2007)}	665
	Từ đất hội trường khu 6 đến ngã 3 Nguyễn Trung Trực { Tính từ thửa 17(7-2007) + thửa 359(2-2007) đến hết thửa 169+ thửa 183(2-2007)}	506
35	Đường Nguyễn Trung Trực	
	Từ ngã 3 đến giáp ranh xã Tân Châu {Từ ngã 3 giáp đường Trần Phú về xã Tân Châu tính từ thửa 427+ thửa 77(2-2007) đến hết thửa 3+107(2-2007)}	364
	Từ ngã 3 đến trạm tăng áp 500kv { Từ giáp ngã 3 đường Trần Phú vào trạm tăng áp 500kw tính từ thửa 175+75(2-2007) tiếp, giáp đến hết thửa 3+8(4-2007)}	572
36	Đường Ngô Thì Nhậm { Tính từ thửa 365+360(2-2007) đến hết thửa 155+494(2-2007)}	364
37	Đường Cao Bá Quát { Tính từ thửa 444(2-2007) + thửa 13(7-2007) đến hết thửa 15(1-2007)}	439
38	Đường Nguyễn Viết Xuân { Chia làm 2 đoạn}	
38.1	Đoạn 1 từ đầu đường tính từ thửa 222+180(7-2007) đến hết thửa 3+4(7-2007)	479

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
38.2	Đoạn 2 Đoạn còn lại tính từ thửa 2(7-2007) + thửa 403(2-2007) đến hết thửa 18(1-2007)	439
39	Đường Lương Thế Vinh	
39.1	Giáp đường Lương Thế Vinh đến hết ranh giới nhà số 59 { Tính từ thửa 277+108(17-2000) đến hết ranh giới nhà 59 thửa 31(18-2000) + nhánh đường trường cấp 3 Di Linh đến giáp đường Trần Phú + thửa 13 đến thửa 104(18-2000) + thửa 242(7-2000)}	720
39.1	Từ giáp ranh số nhà 59 tính từ thửa 32+42(18-2000) đến hết thửa 78+81(18-2000)	637
39.3	Đoạn còn lại tính từ thửa 85(18-2000) đến hết thửa 94(18-2000)	609
40	Đường Mạc Đỉnh Chi { Tính từ thửa 72+74 đến hết đường + thửa 19+20(17-2000) + thửa 42+34+33+17+18(17-2000)}	364
41	Đường Nguyễn Thiếp { Tính từ thửa 59+62(17-2000) đến hết đường + thửa 22+25(17-2000)}	364
42	Đường Võ Văn Tần { Chia làm 2 đoạn}	
42.1	Từ đầu đường tính từ thửa 59+154(17-2000) đến hết đường nhựa thửa 25+26(17-2000)	553
42.2	Đoạn còn lại tính từ thửa 8(17-2000) + thửa 197(16-2000) đến hết thửa 165(16-2000) thuộc đoạn nối dài của đường Võ Văn Tần giáp đường nhựa đến giáp đường Nguyễn Khuyến	529
43	Đường Phan Bội Châu	
43.1	Đoạn 1 Từ đầu đường đến hết ranh giới nhà số 4 { Tính từ thửa 270(28-2000) + thửa 489(29-2000) đến hết thửa 261+131(29-2000)}	1.116
43.2	Đoạn 2 Từ cạnh nhà số 4 đến hết nhà số 14 { Tính từ thửa 132+115(29-2000) đến hết thửa 102+233(29-2000)}	797
43.3	Đoạn 3 tính từ thửa 103+110(29-2000) + đến thửa 42+255(29-2000) + thửa 80+79+47+46+41+40+39+38+37+456+36+6(29-2000)	762
43.4	Đoạn còn lại { Tính từ thửa 218+114(29-2000) đến hết thửa 54+73(29-2000)}	399
44	Đường Lê Quý Đôn	
	Từ đầu đường đến hết nhà số 26 { Tính từ thửa 269+265(28-2000) đến hết thửa 18+19(29-2000)}	797
	Đoạn còn lại { Tính từ thửa 17(29-2000)+ thửa 107(23-2000) đến hết thửa 285+403(29-2000) giáp đường Phan Bội Châu}	399
45	Đường Nguyễn Thị Minh Khai { Tính từ thửa 46+817(31-20000 đến hết thửa 2+360(35-2000)}	886
46	Đường Hoàng Hoa Thám {Chia làm 2 đoạn}	
46.1	Đường Hoàng Hoa Thám { Tính từ thửa 86+245(32-2000) đến hết thửa 130+133(33-2000)}	459
46.2	Đoạn còn lại tính từ thửa 131+375+202+132+ đến hết thửa 120+124(33-2000)	439
47	Đường Phan Huy Chú { Chia làm 2 đoạn}	

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	Từ đầu đường tính từ thửa 187+227(32-2000) +đến thửa 188+100+102+103(32-2000)	390
	Đoạn còn lại tính từ thửa 147+159(32-2000) đến hết các thửa 121+120+94(32-2000)	373
48	Đường Tôn Thất Thuyết { Tính từ thửa 78+315(32-2000) đến hết thửa 62+59(32-2000)}	439
49	Đường Hồ Tùng Mậu {Tính từ thửa 199+20(32-2000) đến thửa 4(32-2000) + đến hết thửa 453(20-2000)}	399
50	Đường Lê Hồng Phong { Chia làm 2 đoạn}	
	Từ giáp QL 28 tính từ thửa 251+349(20-2000) đến hết thửa 256+205(20-2000)	399
	Đoạn còn lại tính từ thửa 44+57(20-2000) tiếp đến hết thửa 10+18(32-2000)	382
51	Đường Ngô Quyền	
	Từ đầu đường Ngô Quyền (giáp QL 28 đến nhà ông Huỳnh Đức Đông) đến giáp đường Huỳnh Thúc Kháng { Tính từ thửa 163(19-2000) + đến thửa 115(43-2000) + đến hết thửa 20(51-20007)}	569
	Từ giáp đường Huỳnh Thúc Kháng đến hết đất nhà Ông Huỳnh Đúc Đông { Tính từ thửa 10+24(27-2003) đến hết thửa 218+119(27-2003)}	460
	Từ giáp đất nhà ông Huỳnh Đức Đông đến (Cầu trắng) hết đường { Tính từ thửa 223+215(27-2003) đến hết thửa 290(28-2003)}	506
52	Đường Huỳnh Thúc Kháng { Chia làm 2 đoạn}	
	Từ đầu đường tính từ thửa 112(43-20000 + thửa 6(27-2003) đến hết thửa 30(43-2000) + thửa 124(12-2003)	381
	Đoạn còn lại tính từ thửa 126(12-2003) + thửa 21(11-2003) đến hết thửa 44(11-2003)	364
53	Đường Lê Thị Hồng Gấm { Chia làm 2 đoạn}	
	Từ giáp đường Lê Lợi đến giáp đường Lý Tự Trọng tính từ thửa 82+79(37-2000) đến hết thửa 115+162(37-2000)	637
	Đoạn còn lại tính từ thửa 157+153(37-2000) đến hêt thửa 255+256(37-2000)	609
54	Đường Lý Tự Trọng { Tính từ thửa 91+98(37-2000) đến hết thửa 200+201(37-2000)}	637
55	Đường Nguyễn Thái Học	
	Đường 2 bên: bên trái và bên phải chợ Di Linh	1.912
	Đường phía sau chợ Di Linh	1.733
56	Đường Nguyễn Khuyến { Chia làm 2 đoạn}	
	Từ đầu đường tính từ thửa 162+164(16-2000) đến hết thửa 152+158(16-2000)	399
	Đoạn còn lại tính từ thửa 565+493(16-2000) đến hết đường	382

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
57	Nguyễn Bỉnh Khiêm { Tính từ thửa 508+94(24-2000) + thửa 152(26-2000) +đến hết thửa 120(22-20000}	800

II ĐẤT Ở NÔNG THÔN

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2.

1. Khu vực I:

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
I	**Xã Liên Đầm**	
*	**Dọc quốc lộ 20**	
1	Từ đường Ngô Quyền đến giáp thị trấn Di Linh từ thửa 649(31) đến + thửa 624(31), + tiếp thửa 103(32) đến hết thửa 49(32)	688
2	Từ đường Ngô Quyền đến giáp cầu Liên Đầm từ thửa 625(31) đến + thửa 124(31), + tiếp thửa 904(30) đến hết thửa 942(30)	651
3	Từ cầu Liên Đầm đến giáp ngã 3 cổng đỏ từ thửa 901(30) đến giáp + thửa 942(30)	1.089
4	Từ ngã 3 vào cổng đỏ đến giáp xã Đinh Trang Hòa từ thửa 107(29) đến + thửa 56(29), + tiếp thửa 411(21) đến + thửa 481(21), + tiếp thửa 533(28) đến + thửa 488(28), + tiếp thửa 376(36) đến + thửa 230(36), + tiếp thửa 153(35) đến hết thửa 273(35), + tiếp thửa 98(44) {chia làm 2 đoạn}	
	Từ ngã 3 vào cổng đỏ đến hết mốc danh cổng thôn văn hóa thôn 10	620
	Đoạn còn lại tính giáp cổng thôn văn hóa thôn 10 đến giáp ranh xã Đinh Trang Hòa	400
5	Đường Ngô Quyền (Từ QL 20 vào cầu trắng) từ thửa 602(31) đến + thửa 124(31), + tiếp thửa 60(24) đến hết thửa 44(24)	484
*	**Đường vào thôn, xã**	
1	**Thôn 1**	
1.1	Đường vào thôn 1 từ thửa 275 đến hết thửa 246(35)	220
1.2	Đoạn từ giáp QL20 đến cầu sắt từ đất nhà ông K'Trơnh từ thửa 225(36) đến hết đất nhà ông Lê Văn Lang thửa 45(46)	230
1.3	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 1	100
2	**Thôn 2**	
2.1	Đường vào thôn 2 từ thửa 275 đến hết thửa 54(22)	218
2.2	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 2	100
3	**Thôn 3**	
3.1	Từ giáp QL 20 đến hết đoạn đường nhựa(nhà ôngYểng) từ thửa 742(30) đến + thửa 79(30), + tiếp thửa 207(23) đến hết thửa 181 + thửa 215(23)	252
3.2	Đoạn tiếp, giáp thửa 181 đến hết thửa 73(23)	139

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
3.3	Đoạn trường dân lập đoàn kết đến ngã 3 (Trụ điện cánh én) từ thửa 179 đến hết thửa 18(23)	126
3.4	Đường nhánh đường nhựa thôn 3 từ thửa 186 đến hết thửa 194(30)	140
3.5	Đoạn giáp QL 20 đi qua trường Trung học Cơ sở đến hết đất nhà ông Sự từ thửa 259(22) đến hết thửa 248(22)	126
3.6	Đoạn giáp QL 20 đến hết trường Tiểu học Liên Đầm I từ thửa 274(22) đến giáp thửa 248(22)	220
3.7	Đoạn từ giáp QL20 (Nhà bà Theo) đến hết đất nhà ông Chung A Sam từ thửa 696(31), + tiếp thửa 7(40) đến hết thửa 48(40)	139
3.8	Đoạn giáp QL 20 (Điện tử Hồng Thiên) từ thửa 716(31) đến hết thửa + thửa 18(40)	126
3.9	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 3	120
4	**Thôn 4 (Hai nhánh chính)**	
4.1	- Đường nhánh 1 từ thửa 594 đến hết thửa 487(31) - Đường nhánh 2 từ thửa 512 đến hết thửa 72(31)	139
4.2	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 4	100
5	**Thôn 5 (Hai bên đường QL 20)**	
5.1	- Đoạn 1 từ thửa 740 đến hết thửa 907(31) - Đoạn 2 từ thửa 549 đến hết thửa 606(31)	218
5.2	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 5	100
6	**Thôn 6**	
6.1	Từ giáp thôn Liên Châu-xã Tân Châu (Khu đồi tròn thơn) qua trại gà Hồ Củng đến giáp ranh xã tân Châu từ thửa 89 đến + thửa 6(14), + tiếp thửa 179(10) đến + thửa 4(10), + tiếp thửa 142(6) đến hết thửa 48(6)	152
6.2	Từ ngã 3 thôn 6 (trại gà Hồ Cửng) từ thửa 70(6) đến hết thửa 152(6)	130
6.3	Đoạn từ ngã 3 đội 5: từ thửa 42 đến hết thửa 158(10)	130
6.4	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 6	90
7	**Thôn 7**	
7.1	Đoạn giáp thôn Liên Châu - xã Tân Châu(suối chỗ nhà ông Sở) đến miếu thôn 7 từ thửa 218 đến + thửa 100(14)	130
7.2	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 7	100
8	**Thôn 8**	
8.1	Đoạn từ nhà ông Thơ đến nhà ông Ái từ thửa 130(30) đến + thửa 966(30), + tiếp thửa 312(22) đến hết thửa 200(22)	416
8.2	Từ ngã 3 cổng đỏ (QL20) đến chợ Chè từ thửa 27(29) đến + thửa 19(29), + tiếp thửa 451(21) đến hết thửa 34(21)	330
8.3	Đoạn ngã 3 QL 20 (đất nhà ông Thuần) từ thửa 282(21) đến ngã 4 cộng các thửa 196 + 174 + 175 + 176 +127 (21)	100
8.4	Đoạn đường lên nhà Tây (cũ) từ thửa 375(21) đến hết thửa 214(21)	100
8.5	Đoạn Mới mở đường sang xã Tân Châu-xã Tân Thượng từ thửa 318(21) đến hết thửa 402(21)	173

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
8.6	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 8	116
9	**Thôn 9**	
9.1	Đường vào thôn 9 từ thửa 39 đến hết thửa 110(32)	220
9.2	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 9	121
10	**Thôn 10**	
	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 10	100
11	**Thôn Nôn Trường**	
11.1	Từ ngã 3 QL 20 từ thửa 17 đến hết thửa 37(43) đất nhà ông Dẻo	218
11.2	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn Nông Trường	100
II	**Xã Đinh Trang Hòa**	
*	**Đất dọc QL20**	
1	Đoạn giáp xã Liên Đầm đến cách ngã ba Đinh Trang Hòa 100m (hướng từ Đà Lạt đi TP HCM) { Từ thửa 697 đến + thửa 881(42) + thửa 704 đến + thửa 850(42), + tiếp thửa 299 đến + thửa 188(40) + thửa 317đến hết thửa 189(40)}	416
2	Từ ngã ba Đinh Trang Hòa 100m đến hết cầu Đinh Trang Hòa { Từ thửa 04A đến + thửa 87(48), + tiếp thửa 706 đến + thửa 715C(42), + tiếp thửa 73 đến + thửa 70(47), tiếp + thửa 75 đến hết thửa 85(47)}	898
3	Từ giáp cầu Đinh Trang Hòa đến giáp xã Hòa Ninh { Từ thửa 87 đến + thửa 155(47), + tiếp thửa 567 đến + thửa 646C(43), + tiếp thửa 35 đến + thửa 152(47), tiếp + thửa 20 đến + thửa 178(46) đến + 21 đến hết thửa 27(46)}	829
*	**Đường vào thôn, xã**	
4	**Đường vào xã Hòa Trung**	
4.1	Từ ngã ba xã Đinh Trang Hòa đến hết đất bưu điện Đinh Trang Hòa { Từ thửa 01 đến + thửa 321(48) đến + thửa 81 đến hết thửa 319(48)}	959
4.2	Từ cạnh bưu điện Đinh Trang Hòa đến giáp cầu sắt số 1 (Từ thửa 410 tờ bản đồ 48 đến +thửa 787 tờ bản đồ 48 + thửa 411 tờ bản đồ 48 đến +thửa 417 tờ bản đồ 48, + tiếp thửa 61 tờ bản đồ 51 đến +thửa 187 tờ bản đồ 51+ thửa 49 tờ bản đồ 51 đến hết thửa 171 tờ bản đồ 51)	654
4.3	Từ cầu sắt số 1 đến giáp xã Hòa Trung (Từ thửa 341 tờ bản đồ 51 đến + thửa 1126 tờ bản đồ 51 + thửa 189 tờ bản đồ 51 đến + thửa 1106 tờ bản đồ 41, + tiếp thửa 98 tờ bản đồ 53 đến + thửa 194 tờ bản đồ 53 + thửa 311 tờ bản đồ 53 đến hết thửa 193 tờ bản đồ 53)	378
5	**Đường vào nông trường Đinh Trang Hòa**	
5.1	Từ QL20 đến đường rẽ vào thôn 3 Đinh Trang Hòa (Từ thửa 28 tờ bản đồ 47 đến +thửa 25 tờ bản đồ 47 +thửa 955 tờ bản đồ 47 đến + thửa 1005 tờ bản đồ 47, + tiếp thửa 492 tờ bản đồ 43 đến+ thửa 8 tờ bản đồ 43 + thửa 491 tờ bản đồ 43 đến + thửa 7 tờ bản đồ 39, +tiếp thửa 246 tờ bản đồ 39 đến +thửa 34 tờ bản đồ 39 + thửa 229 tờ bản đồ 39 đến hết thửa 325tờ bản đồ 39)	488

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
5.2	Từ ngã rẽ thôn 3 đến văn phòng nông trường cà phê (Từ thửa 33 tờ bản đồ 39 đến + thửa 251 tờ bản đồ 39 + thửa 17 tờ bản đồ 39 đến + thửa 245tờ bản đồ 39, + tiếp thửa 200 tờ bản đồ 34 đến + thửa 03 tờ bản đồ 34 + thửa 199 tờ bản đồ 34 đến hết thửa 7 tờ bản đồ 34)	439
5.3	Đoạn còn lại đến giáp xã Lộc An (Từ thửa 01 tờ bản đồ 34, + tiếp thửa số 11 đến + thửa số 07 tờ bản đồ số 35, + tiếp thửa 164 tờ bản đồ 29 đến + thửa 154 tờ bản đồ 29 + thửa 166 tờ bản đồ 29 đến hết thửa 168 tờ bản đồ 29)	209
6	Từ trường Lê Văn Tám đi các hướng thôn 9, thôn 13, thôn 15 (cách 200m) (Từ thửa 121 tờ bản đồ 05 đến + thửa 117 tờ bản đồ 05 + thửa số 121 tờ bản đồ 05 đến + thửa số 228 tờ bản đồ 05 + thửa số 121 tờ bản đồ 05 đến + thửa số 196 tờ bản đồ số 05 + thửa số 121 tờ bản đồ 05 đến + thửa số 323 tờ bản đồ số 05, + tiếp thửa số 108 tờ bản đồ 04 đến hết thửa số 77tờ bản đồ số 04)	190
7	Từ cách trường Lê Văn Tám 200m đi về hướng thôn 9, giáp ngã 3 Buônsonao (vì lý do quy hoạch xã mới) (Từ thửa 116 tờ bản đồ 05 đến + thửa 250 tờ bản đồ 05 đến + thửa số 295 tờ bản đồ 05 đến +thửa số 146 tờ bản đồ số 05, + tiếp thửa 197 tờ bản đồ 10 đến + thửa 208 tờ bản đồ 10, + tiếp thửa 184 tờ bản đồ 09 đến+ thửa 193 tờ bản đồ 09 + thửa 170 tờ bản đồ 09 đến hết thửa 182 tờ bản đồ 09)	167
8	Cách trường Lê Văn Tám 200m đi về hướng thôn 15 đến ngã rẽ vào thôn 10 xã Tân Lâm (Từ thửa 41 tờ bản đồ 04 đến + thửa số 48 tờ bản đồ 04 + thửa số 76 tờ bản đồ 04 đến hết thửa số 49 tờ bản đồ số 04)	181
9	Từ ngã ba Bunsonao đến giáp xã Lộc An, Lộc Đức, Bảo Lâm (Từ thửa 138 tờ bản đồ 09 đến + thửa số 126 tờ bản đồ số 09 + thửa số 67 tờ bản đồ số 09 đến + thửa số 124 tờ bản đồ số 09, + tiếp thửa 03 tờ bản đồ 15 đến + thửa 54 tờ bản đồ 15 + thửa 04 tờ bản đồ 15 đến + thửa 52 tờ bản đồ 15, tiếp thửa 03 tờ bản đồ 16 đến + thửa 63 tờ bản đồ 16 + thửa 27 tờ bản đồ 16 đến hết thửa 155 tờ bản đồ 16)	140
10	**Ngã ba Cây Điệp vào thôn 7 Đinh Trang Hòa**	
10.1	Từ ngã 3 hai cây điệp đến tiếp giáp với đường nhựa vào nông trường cà phê (Từ thửa 03 tờ bản đồ 46 đến +thửa số 180 tờ bản đồ số 46, + tiếp thửa số 92 tờ bản đồ số 44 đến+ thửa số 44 + thửa 42 tờ bản đồ số 44, + tiếp thửa 273 tờ bản đồ 39 đến + thửa 86 tờ bản đồ 39 + thửa 227 tờ bản đồ 39 đến hết thửa 110 tờ bản đồ 39)	191
10.2	Từ đoạn còn lại vào thôn 7 (Từ thửa 279 tờ bản đồ 39 đến +thửa số 158 tờ bản đồ số 39 + thửa số 111 đến +thửa số 196 tờ bản đồ số 39, + tiếp thửa 250 tờ bản đồ 38 đến + thửa 169 tờ bản đồ 38 + thửa 142 tờ bản đồ 38 đến + thửa 171 tờ bản đồ 38, + tiếp thửa 57 tờ bản đồ 37 đến + thửa 85 tờ bản đồ 37 + thửa 96 tờ bản đồ 37 đến + thửa 62 tờ bản đồ 37, + tiếp thửa 8 tờ bản đồ 45 đến hết thửa 21 tờ bản đồ 45)	127

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
11	**Đường đi thôn 3**	
11.1	Từ QL20 vào đến ngã ba đầu tiên đến hết đất nhà ông K' Tim (Từ thửa 107 tờ bản đồ 42 đến + thửa số 90 tờ bản đồ số 42 + thửa số 139 đến hết thửa số 118 tờ bản đồ số 42)	254
11.2	Các đoạn còn lại của thôn 3 (Từ thửa 87 tờ bản đồ 42 đến + thửa 01A tờ bản đồ 42, + tiếp thửa 241 tờ bản đồ 39 đến + thửa 33 tờ bản đồ 39 + thửa 240 tờ bản đồ 39 đến hết thửa 34 tờ bản đồ 39)	160
12	Từ ngã ba cây điệp vào thôn 5B đến hết đất trường THCS Đinh Trang Hoà (Từ thửa 28 tờ bản đồ 46 đến + thửa 47 tờ bản đồ 46 + thửa 51 tờ bản đồ 46 đến + thửa 48 tờ bản đồ 46, +tiếp thửa 367 tờ bản đồ 47 đến + thửa 494 tờ bản đồ 47 + thửa 360 tờ bản đồ 47 đến hết thửa 3971 tờ bản đồ 47)	355
13	Từ QL20 vào thôn 3 giáp cầu Đạ Nớ (Từ thửa 715 tờ bản đồ 42 đến + thửa 89 tờ bản đồ 42+ thửa 716 tờ bản đồ 42 đến + thửa 127 tờ bản đồ 42, + tiếp thửa 954 tờ bản đồ 43 đến hết thửa 277 A tờ bản đồ 43)	177
14	Cách trường Lê Văn Tám 200m đi về hướng thôn 13 (Từ thửa 158 tờ bản đồ 05 đến + thửa 160 tờ bản đồ 05, tiếp thửa 139 tờ bản đồ 10 đến + thửa 55 tờ bản đồ 10 + thửa 05 tờ bản đồ 10 đến hết thửa 56 tờ bản đồ 10)	152
15	Đoạn từ đất nhà ông Thành đi đến hết đất trường tiểu học Đinh Trang Hòa 2 (Từ thửa 145 tờ bản đồ 10 đến + thửa 169 tờ bản đồ 10 + thửa 04 tờ bản đồ 10 đến hết thửa 168 tờ bản đồ 10)	115
16	Từ ngã 3 cách trường tiểu học Lê Văn tám 200 mét đi về hướng thôn 13 đến hết đết nhà ông Vinh (Từ thửa 59 tờ bản đồ 10 đến + thửa 132 tờ bản đồ 10 + thửa 265 tờ bản đồ 10 đến+ thửa 122 tờ bản đồ 10, + tiếp thửa 5 tờ bản đồ 14 đến + thửa 14 tờ bản đồ 14+thửa 6 đến hết thửa 24 tờ bản đồ 14)	152
17	Từ ngã 3 giáp đất nhà ông Vinh đi hết cầu thôn Bắc trang (Từ thửa 23 tờ bản đồ 14 đến+ thửa 67 tờ bản đồ 14 đến + thửa 32 tờ bản đồ 14 đến + thửa 87 tờ bản đồ 14, + tiếp thửa 13 tờ bản đồ 18 đến + thửa 20 tờ bản đồ 18+ thửa 11 đến hết thửa 21 tờ bản đồ 18)	127
18	Từ ngã 3 giáp đất nhà ông vinh đến cụm dân cư thôn 9 (Từ thửa 15 tờ bản đồ 14 đến + thửa 134 tờ bản đồ 14 + thửa 22 tờ bản đồ 14 đến +thửa 19 tờ bản đồ 14, +tiếp thửa 38 tờ bản đồ 15 đến + thửa 164 tờ bản đồ 15+thửa 40 đến + thửa 166 tờ bản đồ 15, + tiếp thửa 18 + thửa 19 tờ bản đồ 17 , + tiếp thửa 103 tờ bản đồ 16 đến + thửa 157 tờ bản đồ 16 + từ thửa 83 tờ bản đồ 16 đến hết thửa 154 tờ bản đồ 16)	115
19	Từ cầu thôn Bắc trang đến hội trường thôn Bắc trang (Từ thửa 48 tờ bản đồ 18 đến + thửa 120 tờ bản đồ 18 + thửa 47 tờ bản đồ 18 đến hết thửa 143 tờ bản đồ 18)	101

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
20	Từ đất nhà ông Thập thôn Bắc trang đến hội trường thôn Bắc trang (Từ thửa 146 tờ bản đồ 18 đến +thửa 202 tờ bản đồ 18 + thửa 170 tờ bản đồ 18 đến+ thửa 201 tờ bản đồ 18, + tiếp thửa 16 tờ bản đồ 24 đến + thửa 95 tờ bản đồ số 24 + thửa 15 tờ bản đồ 24 đến + thửa 94 tờ bản đồ 24, + tiếp thửa 166 tờ bản đồ 25 đến + thửa 145 tờ bản đồ số 25 + thửa 136 tờ bản đồ 25 đến hết thửa 142 tờ bản đồ 25)	127
21	Đoạn còn lại của thôn Bắc trang (Từ thửa 123 tờ bản đồ 18 đến + thửa 82 tờ bản đồ 18 + thửa 142 tờ bản đồ 18 đến + thửa 182 tờ bản đồ số 17 + thửa 129A tờ bản đồ 17 đến + thửa 182 tờ bản đồ 17, + tiếp thửa 12 tờ bản đồ 25 đến + thửa 91 tờ bản đồ số 25 + thửa 13 tờ bản đồ 25 đến + thửa 100 tờ bản đồ 25, + tiếp thửa 12 tờ bản đồ 25 đến + thửa 91 tờ bản đồ số 25, + tiếp thửa 152 tờ bản đồ 19 đến + thửa 16 tờ bản đồ số 19 + thửa 154 đến hết thửa 17 tờ bản đồ số 19)	101
22	Từ ngã 3 đường nhựa vào nông trường cà phê đến hết đất nhà ông Cự thôn tây trang (Từ thửa 01,26,126A tờ bản đồ 35, +tiếp thửa 10 tờ bản đồ 37 đến +thửa 32 tờ bản đồ số 37+ thửa 41 tờ bản đồ 37 đến hết thửa 33 tờ bản đồ 37)	101
23	Từ ngã 3 đất nhà ông Huy đi về hướng thôn Nam trang (Từ thửa 07 tờ bản đồ 35 đến + thửa 87 tờ bản đồ 35 + thửa 10B tờ bản đồ 35 đến hết thửa 112 tờ bản đồ số 35 .)	101
24	Từ ngã 3 đất, quán nhà ông Rạng đi về hướng thôn Đông trang (Từ thửa 176, 103,tờ bản đồ 30 đến + thửa 81tờ bản đồ 30 + thửa 177,104 tờ bản đồ 30 đến + thửa 43A tờ bản đồ số 30, + tiếp thửa 78 tờ bản đồ 31 đến + thửa 11 tờ bản đồ số 31+ thửa 222 tờ bản đồ 31 đến hết thửa 45 tờ bản đồ 31)	101
25	Từ ngã 3 đất, quán nhà ông Đăng đi vào đồi 87 thôn Nam trang (Từ thửa 138 tờ bản đồ 34 đến + thửa 143 tờ bản đồ 34 + thửa 156 tờ bản đồ 34 đến hết thửa 150 tờ bản đồ số 34)	101
26	Từ cổng Barie nông trường cà phê vào đến hết cầu thôn 3 (Từ thửa 33 tờ bản đồ 39 đến + thửa 241 tờ bản đồ 39 + thửa 34 tờ bản đồ 39 đến hết thửa 240 tờ bản đồ số 39)	101
27	Từ cầu Đinh Trang Hoà đi vào cụm dân cư thôn 4 cách 500 mét (Từ thửa 404 tờ bản đồ 43 đến + thửa 109 tờ bản đồ 43+ thửa 617 tờ bản đồ 43 đến hết thửa 131 tờ bản đồ số 43)	254
28	Đoạn còn lại tiếp giáp với đường nhựa nông trường (Từ thửa 513 tờ bản đồ 43 đến + thửa 09 tờ bản đồ 43 + thửa 88 tờ bản đồ 43 đến + thửa 30 tờ bản đồ số 43, + tiếp thửa 235 tờ bản đồ 39 đến + thửa 183 tờ bản đồ số 39+thửa 232 tờ bản đồ 39 đến hết thửa 202 tờ bản đồ 39)	127
29	Từ Quốc lộ 20 cách 100 mét tiếp dọc hồ đạ nớ đi về hướng thôn 5b (Từ thửa 1152 tờ bản đồ 47 đến + thửa 485 tờ bản đồ 47 + thửa 174 tờ bản đồ 47 đến hết thửa 527 tờ bản đồ số 47)	254

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
30	Cách cây xăng ngã 3 Đinh Trang Hoà 100 mét đi về hướng cầu Bàrui Ka mé (thôn 2a) (Từ thửa 722B tờ bản đồ 42 đến + thửa 672 tờ bản đồ 42 + thửa 174 tờ bản đồ 42 đến hết thửa 562 tờ bản đồ số 42)	381
31	Cách đường liên xã 100 mét đi về phía cầu sinmin (thôn 2a) (Từ thửa 312 tờ bản đồ 48 đến + thửa 223 tờ bản đồ 48 + thửa 311 tờ bản đồ 48 đến hết thửa 305 tờ bản đồ số 48)	381
32	Từ ngã 3 Busơnao đến hết cầu Busơnao (Từ thửa 23 tờ bản đồ 09 đến + thửa 6A tờ bản đồ 09 + thửa 129 tờ bản đồ 09 đến + thửa 05tờ bản đồ số 09, + tiếp thửa 193 +thửa 194 + đến hết thửa 201 tờ bản đồ số 06)	115
33	Đoạn còn lại đi vào thôn 10, thôn 11 (Từ thửa 160 tờ bản đồ 06 đến + thửa 125 tờ bản đồ 06 + thửa 141 tờ bản đồ 06 đến + thửa 92 tờ bản đồ số 06 + thửa 59 tờ bản đồ 06 đến + thửa 02 tờ bản đồ 06 + thửa 142 tờ bản đồ 06 đến hết thửa 03 tờ bản đồ số 06)	101
34	Từ cầu sắt thôn 12 đến đi các nhánh còn lại của thôn 12 (Từ thửa 147 tờ bản đồ 11 đến + thửa 142 tờ bản đồ11+ thửa 149 tờ bản đồ 11 đến + thửa 133 tờ bản đồ số 11 + thửa 61 tờ bản đồ 11 đến + thửa 75 tờ bản đồ 11 + thửa 50 tờ bản đồ 11 đến hết thửa 149 tờ bản đồ số 11)	101
35	Từ ngã 3 quán ông Đường đi về hướng thôn 12 đến tiếp giáp cầu sắt thôn 12 (Từ thửa 106 tờ bản đồ 04 đến + thửa 114 tờ bản đồ 04 + thửa 78 tờ bản đồ 04 đến + thửa 118 tờ bản đồ số 04, + tiếp thửa 05 tờ bản đồ 11 đến + thửa 45 tờ bản đồ 11+ thửa 06 tờ bản đồ 11 đến hết thửa 27 tờ bản đồ số 11)	115
36	Từ ngã 3 quán ông Thắng đi về hướng thôn 8 Tân lâm (Từ thửa 24 tờ bản đồ 04 đến + thửa 61 tờ bản đồ 04 + thửa 52 tờ bản đồ 04 đến + thửa 90 tờ bản đồ số 04 + thửa 26 tờ bản đồ 04 đến + thửa 14 tờ bản đồ 04 + thửa 143 tờ bản đồ 04 đến + thửa 16 tờ bản đồ số 04, + tiếp thửa 91 tờ bản đồ 62 đến + thửa 41 tờ bản đồ 62+ thửa 92 tờ bản đồ 62 đến hết thửa 39 tờ bản đồ số 62)	115
37	Cách Quốc Lộ 20 vào 100 mét đi về hướng thôn 2B (Từ thửa 208 tờ bản đồ 47 đến + thửa 886 tờ bản đồ 47+thửa 178 tờ bản đồ 47 đến + thửa 885 tờ bản đồ số 47+ thửa 905 tờ bản đồ 47 đến +thửa 819 tờ bản đồ 47 + thửa 908 tờ bản đồ 47 đến + thửa 924 tờ bản đồ số 47, + tiếp thửa 26 tờ bản đồ 51 đến + thửa 44 tờ bản đồ 51 + thửa 25 tờ bản đồ 51 đến hết thửa 45 tờ bản đồ 51 cộng	150
38	Từ đường liên xã đi Hòa Trung đi hướng đập Se Kờ Lào (Từ thửa 27 tờ bản đồ 54 đến + thửa 229 tờ bản đồ 54+ thửa 30 tờ bản đồ 54 đến hết thửa 230 tờ bản đồ số 54)	100

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
39	Từ đường liên xã Hòa Trung đi hướng thôn 10 xã Hòa Ninh (Từ thửa 14 tờ bản đồ 53 đến+ thửa 10 tờ bản đồ 53 + thửa 37 tờ bản đồ 53 đến + thửa 295 tờ bản đồ số 53, + tiếp thửa 207 A tờ bản đồ 52 đến + thửa 149 tờ bản đồ 52+ thửa 196 tờ bản đồ 52 đến hết thửa 198 tờ bản đồ số 52)	200
40	Từ cổng thôn văn hóa thôn 1B đến hội trường thôn 1B	150
41	Từ đất nhà bà Thanh vào thôn 1B đến 1Km	150
42	Từ đất nhà ông K'Ninh đến hết đến nhà ông K'Teo thôn 2A	200
43	Từ đường liên xã Đinh Trang Hòa - Hòa Trung vào hội trường thôn 2B	200
44	Từ trường trung học cơ sở Đinh Trang Hòa 1 đến hết cụm dân cư thôn 5A	150
45	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 1A	110
46	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 5A, thôn Bắc Trang, thôn 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15	96
47	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 3, thôn 4	105
48	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 5B, thôn 6, thôn 7, thôn Đông Trang, Tây Trang, Nam Trang	98
49	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 1B	97
50	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 2A, 2B	100
III	**Xã Hòa Ninh**	
*	**Dọc QL20**	
1	Từ giáp xã Đinh Trang Hòa đến giáp ranh trường cấp III Lê Hồng Phong	1.100
2	Từ Đầu lô chợ đến cây xăng	1.609
3	Từ đất trường cấp III Lê Hồng Phong đầu lô chợ	1.330
4	Từ cây xăng đến ngã ba vào thôn 03	1.170
5	Từ ngã ba đi vào thôn 2 đến giáp ranh Bảo Lâm	645
*	**Đường vào xã, thôn**	
1	Từ QL20 vào đến giáp cống thoát nước số 2	1.126
2	Từ cống thoát nước số 2 đến hết đất trạm y tế xã	669
3	Từ giáp trạm y tế đến đầu cầu 1	493
4	Từ cầu 1 đến giáp nghĩa địa cầu 2	465
5	Từ nghĩa địa cầu 2 đến giáp xã Hòa Nam chia làm 2 đoạn	
	Từ Nghĩa địa cầu 2 đến hết cây xăng ông Vũ Mạnh Dũng thôn 15	366
	Từ giáp cây xăng ông Vũ Mạnh Dũng thôn 15 đến giáp ranh xã Hoà Nam	352
6	Từ ngã 3 đi Hòa Bắc đến giáp ranh xã Hòa Bắc	366
7	Từ ngã 3 đường đi xã Hòa Trung đến trường Mẫu giáo thôn 13	366
8	Các đoạn còn lại đến giáp ranh xã Hoà Trung	276
9	Đường đi thôn 10, 11 đến giáp xã Đinh Trang Hoà	169
10	Đường nhánh khu quy hoạch dân cư chia làm 3 đoạn:	
10.1	Từ trường cấp 3 Lê Hông Phong đến đầu lô chợ:	
	- Lô 2 quy hoạch dân cư (Lô quy hoạch cách QL 20 55 mét đến đầu lô 3 quy hoạch)	620

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	- Từ đầu lô 3 quy hoạch dân cư đến hết lô quy hoạch	519
	- Đoạn còn lại của đường nhánh {Các thửa đất còn lại thuộc lô 4}	325
10.2	Đường nhánh từ đầu chợ đến cây xăng số 10 chia làm 3 đoạn:	
	- Lô 2 quy hoạch dân cư (Lô quy hoạch cách QL 20 55 mét đến đầu lô 3 quy hoạch)	682
	- Từ đầu lô 3 quy hoạch dân cư đến hết lô quy hoạch	584
	- Đoạn còn lại của đường nhánh xin sửa thành {Các thửa đất còn lại thuộc lô 4}	389
10.3	Đường quy hoạch khu dân cư từ cây xăng đến ngã 3 vào thôn 2 chia làm 3 đoạn:	
	- Lô 2 quy hoạch dân cư (Lô quy hoạch cách QL 20 55 mét đến đầu lô 3 quy hoạch)	428
	- Từ đầu lô 3 quy hoạch dân cư đến hết lô quy hoạch	325
	- Đoạn còn lại của đường nhánh {Các thửa đất còn lại thuộc lô 4}	260
11	Đường nhanh từ ngã 3 thôn 2 đến giáp cống sình Bảo Lâm	221
12	Từ cây xăng số 10 đến hết đất nhà bà Chính	325
13	Từ ngã 3 hai cây Điệp đến Nghĩa địa thôn 1	221
14	Từ đất nhà ông Kiểm đến Nghĩa địa thôn 1	177
*	**Đường nhánh vào các thôn**	
15	Đường nhánh Hoa Lâm thôn 4 đến hết đất nhà ông Dương	230
16	Từ đất nhà ông Sáu đến hết đất nhà ông Mác	177
17	Từ đất nhà ông Thảo thôn 5 đến cách suối 200mét	170
18	Từ đất nhà ông Nam thôn 5 đến hết đất nhà ông Nghĩa thôn 6	156
19	Từ đất nhà ông Trường thôn 6 đến giáp suối cách 200 mét	195
20	Từ đất nhà ông Tuyên thôn 7 đến giáp Nghĩa địa thôn 8	195
21	Từ đất nhà ông Khê thôn 9 đến giáp suối cách 200 mét	156
22	Từ ngã 3 đất nhà ông Sương thôn 9 đến giáp thôn Tứ quý - Lộc An - Bảo Lâm	195
23	Từ đất nhà ông Quyền thôn 12 đến hết đất nhà ông Huề	186
24	Từ đất nhà ông Sơn thôn 12 đến giáp thôn 13	186
25	Từ đất nhà ông Lẫm thôn 12 đến giáp suối cách 300 mét	124
26	Từ đất nhà ông Học thôn 13 đến giáp suối cách 300 mét	124
27	Từ đất nhà ông Long thôn 14 đến hết đất nhà ông Phú	124
28	Từ đất nhà ông Đông thôn 14 đến giáp ranh xã Hòa Bắc	142
29	Từ đất nhà Ông Điều đến giáp sình	142
30	Đường nhánh đất nhà ông Lạc thôn 15 đến hết đất nhà ông Nam thôn 16	195
31	Đường nhánh đất nhà bà Mợi đến hết đất nhà ông Đỗi	130
32	Đường nhánh đất nhà ông Tiến thôn 7 đến cách suối 200 mét	142
33	Từ ngã ba trà kinh lộ đến xã lộc An	212
34	Từ hết nhà ông Đồng thôn 1 đến nghĩa địa thôn 1	177
35	Từ hết nhà ông Bắc Thôn 5 đến giáp nhà ông Định thôn 5	156
36	Từ hết nhà ông Sinh thôn 6 đến giáp đất nhà ông Ngôn thôn 6	156

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
37	Từ hết nhà ông Tang thôn 7 đến hết đất nhà ông Lực	142
38	Từ đất nhà ông Bão thôn 1 đến hết đất nhà ông Quyền thôn 1	170
39	Tính từ đất nhà Bà Xuân đến hết đất nhà ông Định thôn 1	170
40	Tính từ đất nhà ông Thạch thôn 3 đến hết đất nhà ông Nguyên thôn 3	170
41	Tính từ đất nhà ông Huyền thôn 3 đến hết đất nhà bà Rợi	140
42	Tính từ đất nhà ông Sơn (bà Hợp) thôn 4 đến hết đất bà Nhạ thôn 4	140
43	Tính từ hết đất ông Phương thôn 4 đến giáp sình cách 200m	140
44	Tính từ đất nhà bà Hoa thôn 6 đến hết đất nhà bà Hồng thôn 6	150
45	Tính từ đất nhà ông Trường thôn 7 đến giáp suối cách 200m	130
46	Tính từ đất nhà ông Khái thôn 8 đến hết đất nhà ông Cận thôn 8	120
47	Tính từ đất nhà ông Nguyên thôn 8 đến đất nhà ông Trãi Thôn 8	110
48	Tính từ đất nhà ông Long thôn 8 đến hết đất nhà ông Tình thôn 8	110
49	Tính từ đất nhà ông Phú thôn 8 đến hết đất nhà ông Viên	120
50	Tính từ đất nhà ông Thản thôn 9 đến giáp tứ Quý Lộc An	140
51	Tính từ đất nhà ông Ngọc thôn 9 đến giáp suối cách 200m	130
52	Tính từ đất ông Ngọc thôn 9 đến hết đất nhà ông Mến thôn 9	150
53	Tính từ đất nhà ông Diễn thôn 10 đến hết đất nhà ông Trường thôn 10	120
54	Tính từ đất nhà ông Biên thôn 10 đến hết đất nhà ông Báo thôn 10	110
55	Tính từ đất nhà ông Hoàng thôn 10 đến hết đất nhà ông Chiểu thôn 10	110
56	Tính từ đất nhà ông Lực thôn 10 đến hết đất nhà ông Dưng thôn 10	110
57	Tính từ đất nhà ông Cửu thôn 11 đến giáp thôn 13	100
58	Tính từ đất nhà ông Thịnh thôn 11 đến hết đất nhà bà Cúc 10	100
59	Tính từ đất nhà ông Vân thôn 11 đến hết đất nhà ông Bảo thôn 11	100
60	Tính từ đất nhà ông Thức thôn 12 đến giáp suối cách 300m	120
61	Tính từ đất nhà Trẻ thôn 13 đến hết đất nhà ông Thắng thôn 13	120
62	Tính từ đất nhà ông Khôi thôn 13 đến hết đất nhà ông Mừng	130
63	Tính từ đất ông Thắng thôn 14 đến giáp suối	110
64	Tính từ đất nhà ông Thiệp thôn 14 đến hết đất nhà ông Thêm thôn 14	140
65	Tính từ đất nhà bà Hường thôn 14 đến giáp chè nông Trường	110
66	Tính từ đất nhà Ông Cảnh thôn 15 đến hết nhà ông Thuyên thôn 15	100
67	Tính từ đất nhà ông Dũng thôn 15 đến giáp sình cách 200m	120
68	Tính từ đất nhà ông Viễn thôn 16 đến hết đất nhà ông Diện thôn 16	100
69	Tính từ ngã ba nhà ông Đồng đến hết đất nhà ông Định thôn 16	130
70	Tính từ đất nhà Bà Đê thôn 16 đến nhà ông Bàng thôn 16	120
71	Tính từ đất nhà ông Dũng thôn 16 đến giáp nghĩa địa thôn 16	100
72	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 1	250

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
73	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 2	270
74	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 4	150
75	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 3, 5, 6, 9	105
76	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 7,8,10, 11, 12, 13, 14, 15,16	100
IV	**Xã Hòa Trung**	
1	Từ giáp tranh Đinh Trang Hòa đến ngã 3 vào thôn 2 từ thửa 01 (2) đến hết thửa 289 (2)	286
2	Từ ngã 3 thôn 2 đến UBND xã từ thửa 319 (2) đến thửa 301 (2) + tiếp thửa 52 (1) đến hết thửa 300 (1)	241
3	Từ UBND xã Hòa Trung đến ranh giới xã Hòa Bắc chia làm 2 đoạn	
	Từ UBND xã đến ngã 3 thôn 6 từ thửa 5 (10) đến hết thửa 275 (10)	234
	Từ ngã 3 thôn 6 đến ranh giới xã Hòa Bắc từ thửa 19 (13) đến hết thửa 213 (13)	182
4	từ UBND xã đến đầu thôn 13 Hòa Ninh từ thửa 210 (10) đến + thửa 203 (10) + tiếp thửa 204 (1) đến +thửa 77 (1) + tiếp thửa 182 (11) đến hết thửa 94 (11)	234
5	Từ ngã 3 nhà ông Thúy đến đất nhà ông Lãng{ Chia làm 2 đoạn}	
5.1	Từ ngã 3 nhà ông Thúy đến đất nhà ông Lãng thửa 115 (2) đến thửa 63 (2) + tiếp thửa 128 (3) đến hết thửa 132 (3)	120
5.2	Từ đất nhà bà Trần Thị Loan đến đất nhà ông Nguyễn Văn Thí từ thửa 61 (2) đến hết thửa 290 (2)	125
6	Từ đất nhà ông Đỗ Quốc Nhiệm đến đất nhà ông Tô Ánh Hồng từ thửa 12 (1) đến hết thửa 5 (1)	118
7	Từ ngã 3 nhà ông Nguyện đến đất nhà ông Thìn từ thửa 172 (2) đến hết thửa 306 (2)	100
8	Từ ngã 3 thôn 1 vào thôn 2 đến hết đường đá thôn 2 từ thửa 98 (2) đến thửa 283 (2) + tiếp thửa 78 (3) đến hết thửa (49 (3)	156
9	Từ đất nhà ông Lê Thanh Hà đến chân dốc nghĩa địa từ thửa 81 (3) đến + thửa 91 (3) + tiếp thửa 41 (9) đến + thửa 225 (9) + tiếp thửa 100 (8) đến hết thửa 27 (8)	130
10	Từ đầu thôn 5 đến chân dốc nghĩa địa từ thửa 225 (13) đến + thửa 28 (8) + tiếp thửa 41 (9) đến thửa 205 (9) tiếp thửa 81 (8) đến thửa) 61 (8)	142
11	Từ chân dốc nghĩa địa đến đất nhà ông Phú từ thửa 32 (8) đến + thửa 42 (8) + tiếp thửa 3 (7) đến + thửa 82 (7) + tiếp thửa 3 (16) đến hết thửa 15 (16)	105
12	Từ đất nhà ông Hưng đến đất nhà ông Sáu từ thửa 36 (1) đến hết thửa 4 (1)	118
13	Từ chùa đến đất nhà ông Hòa từ thửa 27 (10) + thửa 159 (10) + tiếp thửa 212 (2) đến hết thửa 251 (2)	118
14	Từ đất nhà ông Dũng đến đầu nghĩa địa thôn 1,2,3,9 từ thửa 27 (10) đến + 42 (10) +tiếp thửa 118 (9) đến hết thửa 58 (9)	100
15	Từ ngã 3 nhà ông Hân đến đất nhà ông Quang từ thửa 70 (10) đến hết thửa 78 (10)	118

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
16	tTừ đất nhà ông Tiến đến đất nhà ông Chức từ thửa 163 (10) đến hết thửa 149 (10)	118
17	Từ đất nhà ông Tuy đến đất nhà ông Phan Văn Sum từ thửa 234 (13) đến +thửa 1 (13) + tiếp thửa 17 (12) đến hết thửa 8 (12)	118
18	Từ đất nhà ông Hợp đến đất nhà ông Vũ Văn Cần từ thửa 440 (12) đến hết thửa 81 (12)	100
19	Từ đất nhà ông Huy đến đất và ông Dũng từ thửa 13 (13) đến + thửa 112 (13) + tiếp thửa 105 (12) đến hết thửa 100 (12)	118
20	Từ đất nhà ông Tuy đến đất nhà ông Linh từ thửa 88 (13) đến hết thửa 61 (13)	106
21	Từ đất nhà ông Chủ đến đất nhà ông Hoan từ thửa 100 (13) đến hết thửa 128 (13)	106
22	Từ đất nhà ông Ánh đến đất nhà ông Tiễu từ thửa 174 (13) đến + thửa 159 (13) + tiếp thửa 171 (12) đến hết thửa 165 (12)	106
23	Từ đất nhà ông Long đến đất nghĩa địa từ thửa 178 (13) đến + thửa 183 (13) + tiếp thửa 53 (14) đến hết thửa 62 (14)	106
24	Từ đất nhà ông Hoạt đến đất nhà ông Nam từ thửa 203 (13) đến + thửa 195 (80) + tiếp thửa 102 (14) đến hết thửa 24 (14)	100
25	Từ đất nhà ông Tỉnh đến đất nhà ông Khiên từ thửa 43 (11) đến hết thửa 49 (11)	118
26	Từ đất nhà ông Đô đến đất nhà ông Bính từ thửa 16 (11) đến hết thửa 8 (11)	118
27	Từ đất nhà ông Khiên đến đất nhà bà Hoạt từ thửa 184 (11) đến hết thửa 30 (11)	118
28	Từ đất nhà ông Thuấn đến đất đến đất nhà ông Thành từ thửa 17 (11) đến hết thửa 1 (11)	118
29	Từ đất nhà ông Miêng đến đất nhà ông Hùng từ thửa 94 (11) đến hết thửa 99 (11)	118
30	Từ đất nhà ông Miêng đến đất nhà ông Thương từ thửa 90 (11) đến hết thửa 78 (11)	118
31	Từ ngã 3 UBND cũ đi vào sân bóng từ thửa 174 (10) đến hết thửa 111 (10)	236
32	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 1, 2, 8, 9 {gộp lại)	90
33	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 3, 5, 7 {gộp lại)	98
34	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 4, 6 {gộp lại)	95
V	**Xã Hoà Bắc**	
*	**Đường vào thôn trong xã**	
1	Từ giáp ranh xã Hòa Trung đến hết cầu La òn chia làm 2 đoạn	
1.1	Từ giáp xã Hoà Trung từ thửa 14(30) đến cổng trào thôn 13, đến hết thửa 390(30)	202
1.2	Từ cổng trào thôn 13 từ thửa 526(30) đến cầu la òn , đến hết thửa 558(30)	253
2	Từ cạnh cầu La òn thửa 756(30) đến hết trường TH Hòa Bắc,thửa 51(29)	594

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
3	Từ cạnh trường TH Hòa Bắc từ thửa 53(29) đến ngã 3 thôn 7, 8, đến hết thửa 800(29)	475
4	Từ ngã 3 đi thôn 7, thôn 8 từ thửa 472(29) đến hết trụ sở Ban quản lý rừng Hòa Bắc - Hòa Nam đến hết thửa 41(28)	291
5	Đoạn còn lại đến ngã 3 vào đập (đường Hòa Bắc 1) chia làm 2 đoạn	
	Từ ban quản lý rừng Hoà Bắc Hòa Nam từ thửa 45(28) đến cầu thôn 9 đến hết thửa 141(28)	176
	Đoạn còn lại của đường đi cầu thôn 9 từ thửa 297(28) đến hết thửa 98(22)	138
6	Đường Hòa Bắc 2 từ thửa 230(22) đến hết thửa 65(24)	127
7	Đường Hòa Bắc 3 từ thửa 18(30) đến hết thửa 72(15)	145
*	**Các nhánh rẽ đường liên xã đến giáp ranh xã Hòa Ninh**	
1	Từ ngã 3 La òn từ thửa 738(30) đến hết trạm xá xã hết thửa 716(30)	290
2	Từ cạnh trạm xá xã từ thửa 542(30) đến ngã 3 đường đi thôn 2 đến hết thửa 15(02)	278
3	Từ ngã 3 đi thôn 2 từ thửa 160(02) đến giáp xã Hòa Ninh đến hết thửa 14(01)	303
4	Từ ngã 3 thôn 2 từ thửa 22(02) đến hết đường đi thôn 18 đến hết thửa 32(07)	152
5	Từ ngã 3 thôn 9, thôn 10 từ thửa 265(22) đến phân hiệu trường tiểu học Hoà Bắc đến hết thửa 15(22)	127
6	Đoạn còn lại của đường đá , thôn 10 từ thửa 16(22) đến hết thửa 40(22)	131
7	Từ ngã 3 thôn 8 từ thửa 472(29) đến hết đường đá hết thửa 260(28)	129
8	Từ ngã 3 thôn 5, 7 từ thửa 58(20) đến trường mầm non Hoà Bắc đến hết thửa 185(20)	127
9	Đường vào xóm 1,2,3 thôn 13	114
10	Từ ngã 3 thôn 3 từ thửa 1(18) đến cầu thôn 6 đến hết thửa 110(18)	127
11	Từ ngã 3 thôn 3 từ thửa 250(17) đến cầu đường sẻ đến hết thửa 51(14)	127
12	Đường thôn 18 từ thửa 17(06) đi thôn 16 đường đi xã Hòa Ninh đến hết thửa 15(03)	114
13	Đường thôn 12 từ thửa 31(07) đi thôn 11 đến hết thửa 112(08)	114
14	Đường đi thôn 2,6,9,11 từ thửa 139(02) đến hết thửa 27(23)	124
15	Đường thôn 12 đi thôn 17 từ thửa 54(07) đến hết thửa 73(04)	124
16	Từ tiếp giáp đường Hòa Bắc 3, từ thửa 182(15) đến hết đường 135 thôn 15 , đến hết thửa 97(15)	104
17	Từ ngã 3 giáp xã Hòa Trung, Hòa Ninh từ thửa 72(15) đi vào đường cầu sẻ đến hết thửa 45(14)	100
18	Các nhánh rẽ còn lại trong thôn 1	105
19	Từ tiếp giáp đường Hòa Bắc 3 từ thửa 32(17) đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Miền đến hết thửa 203(17)	104
20	Đường vào đập Đạ La Òn thôn 13 từ thửa 767(30) đến hết thửa 21(32)	104
21	Các nhánh rẽ còn lại của đường trong thôn 2	100
22	Các nhánh rẽ còn lại trong thôn 4 đi thôn 14	100

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
23	Từ đất nhà ông Dương Tân Tâm từ thửa 444(29) đi đến hết trạm xử lý nước sạch đến hết thửa 375(29)	98
24	Các nhánh rẽ còn lại trong thôn 5	100
25	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 6	100
26	Từ đất nhà ông Nguyễn văn Đính từ thửa 164(20) đi đến hết đất nhà ông Bùi Văn Trịnh đến hết thửa 152(20)	100
27	Đoạn từ ngã 3 giáp trường mẫu giáo thôn 8 từ thửa 167(20) đến hết đất nhà ông Tô Đình Lưỡng Thôn 8, đến hết thửa 156(20)	104
28	Từ đất ngã 3 nhà bà Tăng thôn 8 , từ thửa 129(28) đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hướng đến hết thửa 209(28)	104
29	Các nhánh rẽ còn lại trong thôn 7	95
30	Các nhánh rẽ còn lại trong thôn 8	98
31	Các nhánh rẽ còn lại trong thôn 9	100
32	Đoạn từ đất ông Phong (ông Mỹ) từ thửa 176(21) đến hết đất nhà ông Đinh Văn Ing đến hết thửa 196(21)	100
33	Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Thanh, từ thửa 69(22) đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hải thôn 9 đến hết thửa 77(22)	100
34	Đoạn từ đất nhà bà Hợi từ thửa 68(22) đến hết đất nhà ông Hải thôn 10, đến hết thửa 31(22)	100
35	Các nhánh rẽ còn lại trong thôn 10	100
36	Các nhánh rẽ còn lại trong thôn 11	100
37	Đoạn từ đất nhà ông Đỗ Đức Hùng từ thửa 16(20) đến giáp đường đi thôn 5, thôn 6 , đến hết thửa 185(20)	104
38	Các nhánh rẽ còn lại trong thôn 13	109
39	Đoạn từ đất nhà ông Đinh Văn Bi , từ thửa 21(20) đến giáp trường trung học cơ sở Hòa Bắc đến hết thửa 200(20)	115
40	Các nhánh rẽ còn lại trong thôn 14	95
41	Từ đất nhà ông Trần Văn Sơn , từ thửa 79(14) đến hết đất nhà ông Trần Văn Thà thôn 1 đến hết thửa 15(14)	104
42	Từ đất nhà ông Nguyễn Đức Hạnh từ thửa 11(01) đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Hiền thôn 1, đến hết thửa 05(01)	104
43	Từ đất nhà ông Trần Quang Phúc từ thửa 14(02) đến hết đất nhà bà Đoàn Thị Tĩnh thôn 2 , đến hết thửa 3(02)	104
44	Từ đất nhà ông Nguyễn Văn Duệ từ thửa 45(02) đến hết đất nhà ông Vũ Đình Tuấn thôn 2 , đến hết thửa 07(02)	104
45	Đoạn đường từ nhà ông Bùi Hữu Sử từ thửa 49(06) đến hết thửa sốp 28(07) giáp thôn 12 (Be 2)	104
46	Các nhánh rẽ còn lại trong thôn 15, 16, 17, 18	92
47	Từ hội trường thôn 7 từ thửa 564(29) đến hết đất nhà ông Thiện thôn 7 đến hết thửa 466(29)	150

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
48	Đoạn từ nhà bà Bùi Thị Thoàn Thửa 224(22) đến nhà ông Cao Trọng Hán hết thửa 35(26) thôn 11	92
49	Đoạn từ nhà ông Cao Trọng Hán thửa 127(26) đến nhà ông Phạm Văn Tân hết thửa 22(24) Thôn 11	95
50	Đoạn từ nhà ông Phạm Văn Tân Thửa 318(22) đến nhà ông Nguyễn Quốc Định hết thửa 77(26) thôn 11	120
51	Đoạn từ nhà ông Phạm văn Trản Thửa 50(23) đến nhà ông Nguyễn Thành Nhơn hết thửa 57(24) thôn 11	94
52	Đoạn từ nhà ông Phạm Văn Tuyên thửa 113(8) đến cầu cháy thôn 11, đến hết thửa 34(11)	94
53	Đoạn từ nhà ông Vũ Văn Quảng thửa 2(27) đến nhà ông Đoàn Trung Định hết thửa 23(37) thôn 10	175
54	Đoạn từ nhà ông Vũ Văn Đăng thửa 25(37) đến hết thửa 35(37) thôn 10	180
55	Đoạn từ nhà ông Bùi Thanh Khiết thửa 16(22) đến nhà ông Vũ Văn Kịch hết thửa 40(22) thôn 10	200
	Hủy bỏ năm 2013{Đoạn từ thửa 9(27) đến hết thửa 12(37) thôn 10}	
56	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Vương thửa 158(27) đến nhà ông Đào Văn Thắm hết thửa 81(27) thôn 10	100
57	Đoạn từ nhà ông Đặng Xuân Mỹ thửa 111(18) đến nhà ông Nguyễn Hoàng Sơn hết thửa 34(19) Thôn 6	100
58	Đoạn từ nhà ông Trần Tất Quảng thửa 46(19) đến nhà ông Bùi Văn Chử hết thửa 27(13) Thôn 6	100
59	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Xuân Rệ thửa 129(19) đến nhà ông Trần Văn Tân hết thửa 209(13) Thôn 6	94
60	Đoạn từ nhà ông Mai Thanh Duẩn thửa 112(18) đến nhà ông Mai Xuân Miện hết thửa 42(19) Thôn 6	92
61	Đoạn từ nhà ông K' Giảo thửa 62(15) đến nhà ông K' Củi hết thửa 93(15) Thôn 15	100
62	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Hoằng thửa 201(28) đến nhà ông Đinh Huỳnh Ngôn hết thửa 148(35) Thôn 7	95
63	Đoạn từ nhà ông K' Bônh thửa 44(30) đến Lê Văn long hết thửa 103(31) Thôn 13	100
64	Đoạn từ nhà ông Thận Thôn 12 , thửa 28(08) đến đầu cầu le Thôn 12	94
65	Đoạn từ nhà ông Phạm Văn Bốn từ thửa 47(3) đến nhà ông Nguyễn Đức Viết hết thửa 63(3) Thôn 16	100
66	Đoạn từ nhà ông Phạm Đình Phung từ thửa 33(3) đến nhà ông Hoàng Thanh Tuấn hết thửa 3(4) Thôn 16	100
VI	**Xã Hòa Nam**	
1	Từ cầu 3 đến ngã 3 đường đi thôn 8 từ Thửa 395(06) đến hết thửa 220(06)	484
2	Từ ngã 3 đi thôn 8 đến ngã 4 đi thôn 5, thôn 3 từ thửa 224(06) đến hết thửa 284(07)	890
3	Từ ngã 4 đi thôn 3, thôn 5 đến trường TH Hòa Nam I từ thửa 22(08) đến hết thửa 32(08)	531

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
4	Từ trường tiểu học Hòa Nam I đến hết đất ông Toàn thôn 4 (đến hết thửa 139 (15))	418
5	Từ ngã 4 dâu tằm tơ đến ngã 3 quán nhà ông Dũng từ thửa 284(07) đến hết thửa 246(15)	333
6	Từ ngã 3 vào trạm y tế đến cầu ông Chức từ thửa 131(06) đến hết thửa 39(05)	347
7	Từ cầu ông Chức đến ngã 4 thôn 8, thôn 15, từ thửa 53(04) đến hết thửa 51(04)	242
8	Từ ngã 3 quán ông Dũng đến ngã 3 quán ông Ngoạn thôn 15 từ thửa 77(4) đến hết thửa 49(11)	100
9	Từ ngã 3 quán ông Ngoạn đến đầu dốc nhà ông Khuy thôn 15 từ thửa 86(11) đến hết thửa 170(12)	375
10	Từ ngã 3 đi thôn 8 đến cầu thôn 8 từ thửa 140(06) đến hết thửa 195(03)	484
11	Từ cầu thôn 8 đến ngã 3 nhà ông Hóa từ thửa 186(03) đến hết thửa 276(03)	254
12	Từ ngã 3 thôn 10 , 11 đến hết đất trạm quản lý rừng từ thửa 77(28) đến hết thửa 82(28)	128
13	Từ ngã 3 thôn 05 đến hết phân hiệu trường tiểu học Hòa Nam II thôn 5 , thôn 10 từ thửa 11(18) đến hết thửa 20(18)	128
14	Từ ngã 3 đi thôn 12 đến phân hiệu TH Hòa Nam II thôn 12 từ thửa 67(10) đến hết thửa trường TH Hòa Nam	182
15	Từ phân hiệu A trường tiểu học Hòa Nam II thôn 12 đến ngã 3 cống xả thuỷ điện thôn 13 đến hết thửa 90(23)	206
16	Từ ngã 3 quán ông Tú thôn 4 đến ngã 3 thôn 3 (Núi đá) từ thử 70(20) đến hết thửa 70(14)	242
17	Từ ngã 3 nhà ông Chúc thôn 4 đến nhà ông Mười từ thửa 90(20) đến hết thửa 71(25)	218
18	Từ nhà ông Luyện tới nhà bà Nho thôn 1 từ thửa 237(05) đến hết thửa 03(05)	100
19	Từ ngã 4 dâu tằm tơ đến dốc ông Hải thôn 02 từ thửa 309(08) đến hết thửa 90(08)	250
20	Từ nhà ông Chung đến nhà ông Hậu Thôn 3 Từ thửa 52(10) đến hết thửa 63(12)	150
21	Từ nhà bà Ngà đến thác ông Cần thôn 3 từ thửa 133(05) đến hết thửa 115(05)	150
22	Từ nhà ông Tân đến nhà ông Thịnh thôn 8 từ thửa 38(03) đến hết thửa 50(04)	180
23	Từ nhà ông Hóa đến nhà ông Bảy thôn 8 từ thửa 235(03) đến hết thửa 96(01)	250
24	Từ nhà ông Cộng đến nhà ông Chín thôn 08 từ thửa 51(04) đến hết thửa 1(04)	90
25	Từ ngã 3 nhà thờ Hòa Nam đến cầu ông Hóa thôn 9 từ thửa 214(03) đến hết thửa 87(03)	150
26	Từ nhà ông Tân đến nhà ông Sắc thôn 9 từ thửa 51(03) đến hết thửa 119(02)	120
27	Từ nhà ông Vinh đến giáp ranh giới xã Tân Lạc từ thửa 95(01) đến hết thửa 31(02)	95

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
28	Từ nhà ông Diện thôn 10 đến nhà ông Nhậy thôn 10 từ thửa 136(28) đến hết thửa 54(28)	95
29	Từ ngã 3 nhà ông Hùng đến trạm suối cát từ thửa 01(30) đến hết thửa 53(31)	95
30	Từ ngã 3 nhà ông Sơn đến ngã 3 thôn 10, 11 từ thửa 63(19) đến hết thửa 30(30)	300
31	Từ ngã 3 nhà bà Thắm đến ngã 3 nhà ông Thường từ thửa 243(15) đến hết thửa 82(19)	382
32	Từ nhà ông Tuấn thôn 04 đến nhà ông Minh thôn 04 từ thửa 215(15) đến hết thửa 259(15)	254
33	Từ ngã 3 vào Thôn 6 đến nhà ông Thế thôn 6 từ thửa 31(07) đến hết thửa 90(07)	150
34	Từ ngã 3 quán ông Đáng nhà ông Khanh thôn 5 đến nhà ông Phượng thôn 6 từ thửa 219(16) đến hết thửa 224(16)	218
35	Từ ngã 3 quán ông Điềm nhà ông Nam(Xanh) thôn 04 đến ngã 3 thôn 10,11 từ thửa 120(16) đến hết thửa 111(28)	191
36	Từ nhà ông Tý thôn 11 đến nhà ông Uân thôn 11 từ thửa 01(26) đến hết thửa 81(31)	200
37	Từ nhà ông Hồng đến nhà ông Quang thôn 12 từ thửa 162(22) đến hết thửa 89(22)	120
38	Từ nhà ông Thiệp đến nhà bà Chuân thôn 12 từ thửa 139(12) đến hết thửa 02(13)	110
39	Từ nhà ông Thủy đến nhà ông Huy thôn 12 từ thửa 119(22) đến hết thửa 111(22)	115
40	Từ nhà ông Tập đến nhà ông Dự thôn 12 từ thửa 126(21 đến hết thửa 106(21)	110
41	Từ nhà ông Mười đến nhà ông Phú thôn 12 từ thửa 29(13) đến hết thửa 03(22)	110
42	Từ nhà ông Chung đến nhà ông Độ thôn 13 từ thửa 177(23) đến hết thửa 149(36)	110
43	Từ nhà ông Tư đến nhà ông Viết thôn 13 từ thửa 05(36) đến hết thửa 26(43)	115
44	Từ nhà ông Tâm đến nhà ông Phong thôn 13 từ thửa34(23) đến hết thửa 50(23)	120
45	Từ nhà ông Kiên đến nhà ông Bảy thôn 13 từ thửa 127(25) đến hết thửa 25(23)	110
46	Từ ngã 3 nhà ông Chiện đến nhà ông Thành thôn 04 từ thửa 85(20) đến hết thửa 93(20)	110
47	Từ nhà ông Phúc đến nhà ông Cưu thôn 07 từ thửa 74(09) đến hết thửa 30(09)	120
48	Từ nhà ông Chúc đến nhà ông Trung thôn 04 từ thửa 84(19) đến hết thửa 160(15)	110
49	Từ nhà ông Hà đến nhà ông Sỹ thôn 04 từ thửa 103(15) đến hết thửa 178(15)	110
50	Từ nhà bà Xuân đến nhà ông Hà thôn 04 từ thửa 193(07) đến hết thửa 50(16)	110

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
51	Từ nhà ông Thống đến nhà ông Lộc thôn 15 từ thửa 85(11) đến hết thửa 59(11)	110
52	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 1, 2 (gộp lại)	121
53	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 3, 4 (gộp lại)	108
54	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 7	105
55	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 5, 6, 8, 9, 10, 12, 13 (gộp lại)	90
56	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 11	96
57	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 15	90
VII	**Xã Tân Châu**	
*	**Đất dọc QL28**	
1	Từ đầu đường Ngô Quyền đến ngã 3 cổng đỏ	
	Từ ngã 3 đi thôn 1 Tân Châu (giáp ranh thị trấn Di Linh) đến hết ngã 3 đi Cổng đỏ {Từ thửa 65(100A) đến + thửa 01(100A), + tiếp thửa 220 (76C) đến + thửa 203 (76C), + tiếp thửa 255 (75D) đến + thửa 1 (75D), + tiếp thửa 413 (75B) đến + thửa 407(75B), + tiếp thửa 758(75A) đến hết thửa 233(75A)}	799
2	Đoạn còn lại đến dốc Núi chè	
2.1	Từ ngã 3 đi cổng đỏ đến ngã 3 lên sân bóng thôn 6 {Từ thửa 145(75A) đến + thửa 774(75A) + thửa 144(50D), + tiếp thửa 247(74B) đến hết thửa 48(74B) }	435
2.2	Từ ngã 3 lên sân bóng thôn 6 đến ngã 3 thôn 6 đi thôn 7 {Từ thửa 20(74B) đến + thửa 256(74B), + tiếp thửa 180(50D) đến + thửa 77(50D) + thửa 233(50C) đến hết thửa 85(50C)}	456
2.3	Từ ngã 3 đi thôn 6 đi thôn 7 đến giáp ranh xã Tân Thượng {Từ thửa 260(50C) đến hết thửa 04(50C)}	436
3	Đường Ngô Quyền (Từ đầu đường đến giáp ranh giới thị trấn Di Linh) {Khu vực chưa đo dạc bản đồ địa chính của xã}	545
4	Đường vào thôn 7 chia thành các đoạn sau	
4.1	Từ ngã 3 cây xăng ông Chi quốc lộ 28 đến qua ngã 3 thôn 4 cách 100 mét hướng về thôn 7	525
4.2	Qua ngã 3 thôn 4 (100 mét) đến hết đường nhựa cầu thôn 7	382
4.3	Từ cầu thôn 7 đến cầu Thanh niên Xung phong	248
4.4	Từ cầu Thanh niên Xung phong đến hết đường nhựa xóm Gò Công 270 (28c)thôn 7	208
4.5	Từ hết đường nhựa xóm Gò Công thôn 7 đến hết ngã 3 nhà ông Lê Văn Thiết thôn 7	145
4.6	Từ ngã 3 cầu thôn 7 đến hết đất nhà ông Lê Văn Hành thôn 7 (song song với đường nhựa thôn 7)	180
4.7	Các đoạn nhánh rẽ của đoạn từ ngã 3 cầu thôn 7 đến hết đất nhà ông Lê Văn Hành thôn 7 (song song với đường nhựa thôn 7) { Tờ bản đồ 51D}	145
4.8	Các đoạn nhánh rẽ còn lại của cầu thôn 7 đến cầu Thanh niên Xung phong {Tờ bản đồ 52C}	180
4.9	Các đoạn nhánh rẽ còn lại của thôn 7	132

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
5	Đường thôn 4	
5.1	Từ ngã rẽ đường đi thôn 4 đến hết cầu thôn 7	242
5.2	Từ thửa 573 (75a) đến + thửa 331 + 336 (75a)	605
5.3	Từ thửa 324 (75a) đến + thửa 320 (75a) + thửa 291 (75b) đến hết thửa 308 (75b) đường đi thôn 7	303
5.4	Từ thửa 374 (75b) đến hết thửa 352 (75b) đường nhựa	157
5.5	Từ thửa 398 (75b) đến hết thửa 333 (75b)	150
5.6	Từ thửa 485 (75b) đến hết thửa 509 (75b)	289
5.7	Đoạn nhánh rẽ còn lại thôn 4	138
6	Đường liên thôn 8, thôn 3 chia thành các đoạn	
6.1	Từ đầu đường quốc lộ 28 đến ngã 3 đi nghĩa trang thôn 8	525
6.2	Từ ngã 3 đi Nghĩa trang thôn 8 đến giáp Nghĩa trang thôn 8	250
6.3	Từ thửa 118 (100a) tiếp đến + hết thửa 128 (76c)	350
6.4	Từ ngã 3 đường đi Nghĩa trang thôn 8 đến hết sân bóng thôn 3	250
6.5	Từ sân bóng thôn 3 đến ngã 3 cuối thôn 7	200
6.6	Các đoạn nhánh rẽ còn lại của thôn 8	220
6.7	Đoạn nhánh rẽ còn lại thôn 3	132
7	Đường đi thôn 1 + thôn 2	
7.1	Từ QL28 đến hết đất trường học tiểu học Tân Châu II thôn 1	289
7.2	Từ trường học Tân châu II thôn 1 đến hết đường nhựa thôn 1 thửa 229 (75đ)	245
7.3	Từ đầu đường nhựa thôn 1 đến hết thôn 2 thửa 611 (76b)	165
7.4	Các đoạn nhánh rẽ còn lại của thôn 1 + thôn 2	132
8	Từ ngã 3 đi cổng đỏ đến giáp ranh xã Liên Đầm	240
9	Từ cầu TNXP đến hết chân đập 1019 phạm văn	165
10	Từ cuối chân đập 1019 phạm văn đến giáp ranh giới giữa thị trấn Di Linh và xã Tân Châu	278
11	Đường thôn Liên Châu chia làm các đoạn	
11.1	Đường Tân Châu đi Liên Đầm, Tân Thượng (đường mới)	167
11.2	Từ thửa 122 (97b) đến hết thửa 66 (97b) {sửa thành Từ nhà ông Hoàng Ngọc Anh đến hết Công ty chè SuZuKi Từ thửa 123(97b) đến hết thửa 66 (97b)}	132
11.3	Từ thửa 240 (97b) đến hết thửa 198 (97b) {sửa thành Từ nhà ông Lê Công Thành đến hết bà Dậu Thị Hương Từ thửa 310(97b) đến hết thửa 321(97b)}	132
11.4	Từ thửa 202 (97b) đến hết thửa 197 (97b) (xin hủy bỏ năm 2013 vì trùng đoạn 11.2)	132
11.5	Từ thửa 203 (97b) đến hết thửa 194 (97b) (xin hủy bỏ năm 2013 vì trùng đoạn 11.6)	132
11.6	Từ thửa 248 (97b) đến hết thửa 206 (97b) {sủa thành Từ nhà ông Ngô Tịnh Tấn đến Công ty chè SuZuKi thửa 248 (97b) đến hết thửa 206 (97b)}	132
11.7	Từ nhà ông Vũ Đình Hùng đến hết nhà ông Nguyễn Văn Lưu Từ thửa 436 (97b) đến hết thửa 384 (97b)	132

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
11.8	Từ nhà ông Hoàng Văn Quang đến hết nhà bà Trần Thị Vân Từ thửa 386 (97b) đến hết thửa 403 (97b)	132
11.9	Từ nhà ông Trần Đoàn đến hết nhà ông Hoàng Văn Lục Từ thửa 367 (97b) đến hết thửa 378 (97b)	132
	Các đoạn nhánh rẽ còn lại của thôn Liên Châu	130
12	Đường thôn 5	
12.1	Đầu đường QL 28 đất nhà ông Đặng tích Hoà từ thửa 274 (75a) đến đất nhà ông Đặng tích Phú + thửa 227 (75a)	605
12.2	Đầu đường QL28 đất nhà ông Lý văn Lăng thửa 356 (75a) đến hết đất nhà ông Vòng Chếch Thống + thửa 275 (75a)	605
12.3	Từ đầu đường QL28 đất nhà ông Lý vinh Quang thửa 425 (75a) đến hết đất nhà ông Tô Ngọc Tuấn + Nguyễn Thị Trận + Trần thị Đào + Hoàng Văn Khải + Bằng Văn Sáng (đường nhựa)	605
12.4	Đầu đường QL28 thửa 3 (75a) đến Sú Vày Lộc thửa 4 (75a) + Nguyễn Thị Thùy + thửa 5 (75a)	344
12.5	Từ đầu đường QL28 thửa 566 (75a) đến Trương Thị Sáu + thửa 740 (75a)	605
12.6	Đầu đường QL 28 thửa 590 (75a) đến Nìm Lỷ Sầu + thửa 592 (75a)	605
12.7	Từ đất hộ Liêu Mằn Voòng thửa 363 (75a) đến đất Lày Thị Mùi + thửa 369 (75a)	450
12.8	Đầu đường QL28 thửa 135 (75a) đến đất Hoàng Văn Chí + thửa 105 (75a)	360
12.9	Các đoạn nhánh rẽ còn lại của thôn 5	230
13	Đường thôn 6 chia làm các đoạn	
13.1	Đầu đường QL28 thửa 48 (74b) đến sân bóng thôn 6 + thửa 155 (50d)	303
13.2	Đầu đường QL28 thửa 48 (74b) đến trường tiểu học thôn 6	303
13.3	Đầu đường QL28 thửa 202 (74b) đến trường tiểu học thôn 6	360
13.4	Đầu đường QL28 thửa 89 (50c) đến hết thửa 147 (50c)	303
13.5	Đoạn nhánh rẽ còn lại thôn 6	132
14	Đường thôn 9	
14.1	Từ đầu đường QL28 (trạm y tế xã) đến hết đất nhà ông Hồ Say Khiềng + thửa 44 (75d)	484
14.2	Từ đầu đường QL28 đất nhà ông Võ thiện Nỡ thửa 193 (75d) đến hết đất nhà bà Voòng Phát Quyền + thửa 117 (75d)	500
14.3	Đầu đường QL28 Bưu Điện xã đến thửa 324 (75d) đến + thửa 255 (75c) Ấn Văn Sin	605
14.4	Đầu đường QL28 K' Tìm thửa 333 (75d) đến + thửa 21 (75d)	484
14.5	Từ đầu đường QL28 đất nhà ông Đặng Văn Lương thửa 160 (75d) đến Liêu Mằn Voòng + thửa 279 (75d)	605
14.6	Từ đầu đường QL28 đất nhà bà Trần Thị Vịnh thửa 237 (75d) đến + thửa 307 (75d) đến + thửa 14 (99b) hộ Trần Thị Sang	528
14.7	Từ đầu đường QL28 đất nhà ông Lê Trọng Quyền thửa 245 (75d) đến hết đất nhà ông Lê Trọng Hải + thửa 305 (75d)	605

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
14.8	Từ đầu đường QL28 đất nhà ông Tôn Thất Hoàng thôn 9 thửa 189 (75d) đến Nguyễn Thị Phụng thôn 8 + thửa 98 (100a)	604
14.9	Từ đất Lục Thị Lan thửa 185 (75d) đến đất Võ Thiện Chức + thửa 173 (75d)	450
14.10	Từ đất bà Nguyễn Thị Liên thửa 178 (75d) đến Trần Văn Tài + thửa 115 (75d)	450
14.11	Từ đầu đường QL28 Nguyễn Hồng Lâm thửa 201 (75d) đến Lưu Thị Ba + thửa 274 (75d)	605
14.12	Từ đầu đường QL28 Lê Hải Sản thửa 241 (75d) đến Lê Thị Kim Xuyến + thửa 260 (75d)	450
14.13	Từ đầu đường QL28 Lê Xuân Hùng thửa 240 (75d) đến Đặng Tích Kim + thửa 264 (75d)	450
14.14	Từ đầu đường QL28 Tạ Thị Vân thửa 280 (75d) đến Nguyễn Đình Ái + thửa 309 (75d)	360
14.15	Từ đầu đường QL28 Ân Văn Kim thửa 253 (75c) đến Trần Công Xuân + thửa 245 (75c)	360
14.16	Từ đầu đường QL28 Lê Hoàng thửa 155 (75d) đến Đặng Tích Ngọc(B) + thửa 136 (75d)	450
14.17	Các đoạn nhánh rẽ còn lại của thôn 9	230
VIII	**Xã Tân Thượng**	
1	Giáp xã Tân Châu đến đầu dốc thôn 2 (gần UBND xã Tân Thượng) { Từ thửa 431(41) đến + thửa391(41), + tiếp thửa 419(40) đến + thửa 482(40), + tiếp thửa 431(39) đến hết thửa 450(39) đất nhà ông K'Nháp đến hết thôn 2}	292
2	Từ đầu dốc cuối thôn 2 đến cuối thôn 3 (khúc cua) nhà ông K'Lối { Từ giáp thôn 2 đến cuối thôn 3 từ thửa 449(39) đến hết thửa 143(39) đất nhà bà Thương (Hiến)}	655
3	Từ giữa dốc cuối thôn 3 (nhà ông K'Lối) đến giáp ranh xã Tân Lâm Sửa thành {Từ đầu thôn 4 đến giáp xã Tân Lâm từ thửa 43(38) đến + thửa 2(38), + tiếp thửa 176(26) đến + thửa 1(26), + tiếp thửa 261(27) đến + thửa 1(27) tiếp thửa 133(23) đến hết thửa 16(23)}	292
4	Đường ĐT 725	
4.1	Từ QL 28 đến ngã 3 thôn 3 đi thôn 11 đến hết đất nhà ông K'Brẻ Sửa thành {Từ giáp QL28 đến ngã 3 thôn 11 từ thửa 245(39) đến hết thửa 50(39) đất nhà ông K'Brẻ}	347
4.2	Từ ngã 3 giáp đất nhà ông K'Brẻ đến hết đất nhà ông Pôbry Breo sửa thành { Từ giáp ngã 3 đi thôn 11 giáp đất nhà ông K'Brẻ đến hết đất nhà ông PôBry Breo tính từ thửa 251(39) đến + thửa 271(39), + tiếp thửa 61(45) đến hết thửa 117(45)}	208
4.3	Từ giáp đất Nhà ông PôBry Breo đến ngã 3 vào thôn 11 (đất nhà ông Dũng, ông Sơn) sửa thành {Từ ngã 3 giáp đất ông PôBry Breo đến ngã 3 vào thôn 11 đất nhà ông Dũng, ông Sơn tính từ thửa 119(45) đến thửa 18(45) tiếp giáp thửa 81(47) đến thửa 52(47) tiếp thửa 82	139

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
4.4	Từ ngã 3 giáp đất nhà ông Dũng, ông Sơn đến hết thôn 11	110
4.5	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 11	95
5	Đường đi vào thủy điện Đồng Nai II	
5.1	Từ ngã 3 đất nhà ông K'Brẻ đến ngã 3 đường vào Công ty TNHH cà phê Di Linh { Từ thửa 49(39) đến + thửa 6(39), + tiếp thửa 172(46) đến + thửa 1(46) + thửa 91(24) đến + thửa 85(24), + tiếp thửa 127(47) đến thửa 2(47), + tiếp thửa 128(54) đến hết thửa 135(54)}	208
5.2	Đoạn cò lại của đường vào thủy Điện Đồng Nai 2 { Sửa Thành các đoạn, nhánh rẽ còn lại vào Thuỷ Điện Đồng nai II}	116
6	Từ ngã 3 QL28 đường đi sơn tịnh vào thôn 1 Tân Thượng { Từ thửa 319(41) đến hết thửa 385(41)}	208
7	Đường thôn 1 đi thôn 10 giáp Tân Lâm đoạ từ QL 28 đi sân bóng Tính từ thửa 255(41) đến hết thửa 264(41)}	125
8	Từ trường cấp II giáp QL28 đến hết sân bóng thôn 3 Tính từ thửa 58(39) đến hết thửa 113(39)}	130
9	Đường giữa thôn 3 tính từ các thửa 108, 109, 417, 416, 110, 114, 115, 116, 117, 119, 384, 131 (tờ 39)	150
10	Đường thôn 4 từ giáp QL 28 đất nhà ông K'Sèm đến hết đất nhà bà Chướng Dếnh Mùi tính từ thửa 176(26) đến hết thửa 41(26)	125
11	Các nhánh đường thôn 4 thuộc khu vực Dâu Tằm Tơ	
12	Tính từ thửa 93(23) đến hết thửa 98(23)	125
13	Tính từ thửa 68(23) đến hết thửa 65(23)	130
14	Tính từ thửa 38(23) đến hết thửa 37(23)	125
15	Đường vào xóm thôn 2 (Sơn Điền) từ QL28 đến hết xóm Sơn Điền	125
16	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 1	90
17	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 2, 4	100
18	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 3	95
IX	**Xã Tân Lâm**	
*	**Đoạn dọc Quốc lộ 28**	
1	Từ giáp ranh với xã Tân Thượng đến Hội trường thôn 5 { Từ thửa 321(6) đến hết thửa 498(6)}	319
2	Từ Hội trường thôn 5 đến trụ điện thứ 4 đếm từ trường học thôn 6 trở ra { chia làm 2 đoạn}	
2.1	Từ giáp hội trường thôn 5 đến hết nhà bà Hương {Từ thửa 499(6) đến + thửa 430(6), + tiếp thửa 321(3) đến hết thửa 222(3)}	390
2.2	Từ giáp đất bà Hương đến hết đất bà Cao Thị Vui {Từ thửa 123(2) đến hết thửa 75(2)}	380
3	Đoạn từ đất nhà Phung Tạo đến hết đất nhà ông Hiệp { Sửa thành từ đất nhà Hải đến hết đất nhà ông Hiệp thôn 5 Từ thửa 205(3) đến hết thửa 143(3)}	182
4	Đoạn từ đất nhà Phung Tạo đến hết đất nhà ông Châu { Từ thửa 213(3) đến hết thửa 22(3)}	182

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
5	Đoạn từ cột điện thứ 4 theo QL28 đến giáp ngã 3 đường đi Bảo Lâm cộng thêm 200 mét theo hướng đi Đinh Trang Thượng sửa thành từ giáp đất nhà bà Cao Thị Vui đến hết đất nhà ông Lê Quảng Ba từ thửa 74(2) đến + thửa 01(2), + tiếp thửa 266(1) đến + thửa 180(1), + tiếp thửa 13(84) đến + thửa 33(84), + tiếp thửa 22(66) đến + thửa 05(66), +tiếp thửa 104(79) đến hết thửa 8(79)	746
6	Đoạn còn lại của QL28 giáp đất Lê Quảng Ba đến giáp xã Đinh Trang Thượng. { từ thửa 146 đến hết thửa 51(9) + tiếp thửa 95 đến hết thửa 1(10) (tờ số 9,10 của xã Đinh Trang Thượng cũ nay thuộc về xã Tân Lâm)	380
7	Đoạn từ QL28 đi Bảo Lâm(Đường DT 75) { Từ thửa 7(79) đến + thửa 2(79) + thửa 35(74) + thửa 9(73) + thửa 10(73) đến hết thửa 17(74) đến giáp ranh giới huyện Bảo Lâm}	380
8	Đoạn từ QL28 đi vào trường cấp III 500 mét { Từ thửa 37(79) đất nhà bà Sửu đến hết thửa 31(79) đến hết trạm viễn thông}	380
9	Đọa từ ngã 3 nhà thờ thôn 9 đến hết ngã 3 đất nhà bà Khuyên Thôn 9 (Chia làm 2 đoạn)	
	Đoạn tiếp giáp đất ông Bùi Minh Đức từ thửa 109 (122) đến + thửa 1 (13) + thửa 33 (12) đến + thửa 28 (12) + thửa 114 (15) đến + thửa 82 (15) + đến hết thửa 119 (16)	152
	Tiếp từ thửa 120 (16) đến + thửa 24 (26) (giáp xã Đinh Trang Hòa) + thửa 122 (16) đến hết thửa 131 (16)	145
10	Đoạn từ QL28 đi vào trụ sở UBND xã Tân Lâm(2,8km) { Sửa từ giáp Quốc lộ 28 đến hết đất ông Bùi Minh Đức (đường xã mới) từ thửa 4(66) đến + thửa 43(66), +tiếp thửa 27(115) đến + thửa 327(115), + tiếp thửa 2(119) đến + thửa 96(119), + tiếp thửa 5(122) đến hết thửa 120(122)}	208
11	Đoạn còn lại của các thôn 7, 8, 9, 10.	95
12	Đoạn từ QL28 đi vào nhà thờ thôn 6 { Từ đất nhà ông Phương đến nhà thờ thôn 6 từ thửa 156(1) đến hết thửa 130(1) đất nhà bà Mai, + tiếp thửa 146(7) đến hết thửa 2(7)}	228
13	Đoạn còn lại từ nhà thờ thôn 6 đi vào khu đất nhà ông Xụ, khu đá trắng {Từ thửa 126(1) đất nhà bà Ngỡ đến hết thửa 140(1) đất nhà ông Pẩu}	100
14	Từ giáp hội trường thôn 5 (QL 28) đến hết đất Võ Tá Thìn {Từ thửa 165(6) đến hết thửa 200(6)}	170
15	Từ sân bóng thôn 6 đến giáp suối từ thửa 64(1) đến hết thửa 50(1).	170
16	Từ đất nhà bà Nhạn thửa 1(7) đến + thửa 142(7) + thửa 111(7), + tiếp thửa 58(8) + tiếp thửa 4(22) đến + thửa 1(22), + tiếp thửa …(21) đến hết thửa 40(21)	124
18	Đoạn tiếp đất nhà ông Bùi Minh Đức Thửa 109 (122), + tiếp đến thửa 1(13) + thửa 33 (12) đến + thửa 28 (12) +thửa 82(15), +tiếp đến hết thửa 119 (16)	105
19	Đoạn từ cổng văn hóa thôn 7 đến tiếp giáp đất ông Bùi Trùng Dương từ thửa 8 (13) đến + thửa 15 (13), + tiếp thửa 1 (14) đến + thửa 46 (14), + tiếp thửa 9 (19) đến hết thửa 12 (19)	152

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
20	Đoạn từ QL 28 đi vào nhà ông Quế 200 m	100
21	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 5, 6	95
X	**Xã Đinh Trang Thượng**	
*	**Đất khu dân cư dọc quốc lộ 28**	
1	Từ giáp ranh xã Tân Thượng đến đường vào trường học thôn 2 { Từ giáp ranh xã Tân Lâm thửa 9 (tờ 10) đến + thửa 1(tờ 10), + tiếp thửa 146 (tờ 9) đến + thửa 1 (tờ 9), + tiếp thửa 92 (tờ 8) đến + thửa 75 (tờ 8) giáp Tân Lâm}	191
2	Từ đường vào trường học 135 (thôn 2) đến giáp ngã 4 đường liên thôn { Từ thửa 55(tờ 8) đến + thửa 8 (tờ 8), + tiếp thửa 41 (tờ 7) đến + thửa 14 (tờ 7), + tiếp thủa 134 (tờ 6) đến + thửa 40 (tờ 6) đi ngã 4 thôn 1, thôn 3}	206
3	Từ ngã 4 đường liên thôn 1, thôn 3 đến hết đài tưởng niệm xã { Từ thửa 46 + thửa 47(tờ 5) đến hết thửa 19 (tờ 5)}	162
4	Từ cạnh đài tưởng niệm xã đến hết thôn 5 { Từ thửa 18 (tờ 5) đến + thửa 13 (tờ 5), + tiếp thửa 139 (tờ 2) đến + thửa 107 (tờ 2), + tiếp thửa 85 (tờ 1) + đến hết thửa 8 (tờ 1), + tiếp thửa 77 (tờ 21) đến hết thửa 66(tờ 21)}	139
5	Từ giáp Quốc lộ 28 (thửa 12(05) đường tránh Thủy điện Đồng Nai 3 đến sông Đồng Nai	120
*	**Đường vào các thôn**	
6	Đoạn, nhánh còn lại rẽ vào trong các thôn của xã	99
7	Đường vào thôn 1 từ ngã 3 QL28 đường vào đất nhà ông Hạnh đến hết đường thôn 1 { Chia làm 3 đoạn}	
	Từ ngã 3 đất nhà ông K'Hùng thửa 40(tờ 6) đến giáp suối Đạ Srọ	125
	Từ ngã 3 đất nhà ông K'Wệ thửa 39(tờ 6) đến hết khu dân cư thôn 1 K'Pút + tiếp thửa 118(tờ 4) + đến hết thửa 71(tờ 4)	120
	Từ ngã 3 đất nhà ông K'Bồng thửa 11(tờ 4) đến hết thửa 7 (tờ 4) đường Dốc Trời	116
8	Đường vào thôn 3 từ ngã 3 QL28 đất nhà ông Khuyến đến cổng trào thôn văn hóa thôn 3 { chia làm 3 đoạn}	
8.1	Giáp quốc lộ 28 đất ông Khuyên (tờ 5) đến + thửa 95 (tờ 5) đất nhà ông K'lung	125
8.2	Từ ngã 3 thôn 3 đất ông K'Đồng thửa 56(tờ 5) đến + thửa 211 (tờ 5) đất nhà ông K'Bài, + tiếp thửa 16(tờ 7) đến hết thửa 18(tờ 7)	122
8.3	Từ giáp ngã 3 thôn 3 giáp đất ông K'Đồng đường vào khu tái định cư	120
9	Giáp Quốc lộ 28 Từ đất nhà ông Bé (Vân) thửa 139 (tờ 9) đến + thửa 106 (tờ 9) đến giáp đất ông K'Sang	115
10	Giáp Quốc lộ 28 Từ đất nhà ông nhà ông k'Sang thửa 38 (tờ 9) đến hết thửa 97 (tờ 9) đất ông K'Wềng	115
11	Giáp Quốc lộ 28 đất nhà ông K'Đắc thửa 75(tờ 8) đến hết đường vào trường học 135 thửa 69(tờ 8) đất ông K'Bới	120

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
12	Đường ngang dọc thôn 4 bên trái Quốc lộ 28 đi từ hướng Tân Lâm vào (tờ số 3)	110
13	Từ đất nhà ông K'Hà đến đất nhà ông K'Brền đi vào đập nước sạch	105
14	Từ giáp Quốc lộ 28 đường nhánh bên phải đi từ hướng Tân Lâm vào thửa 128(tờ 1) đến hết thửa 108(tờ 1) đất nhà ông K'Ơng đến hết đất nhà ông K'Srai.	105
XI	**Xã Tân Nghĩa**	
1	Đất dọc trục giao thông chính -Qlộ 20	
	Từ giáp thị trấn Di Linh đến giáp xã Đinh Lạc {Từ thửa 667(53D) đến thửa 521 (53D - 47 CBTN), tiếp thửa 499(54C) đến thửa 95 (54C -48 CBTN), tiếp thửa 2(54D) đến thửa số 9 (54D - 49CBTN), tiếp thửa 209(54B) đến hết thửa 212 (54B - 46CBTN)}	822
2	Đường vào xã, thôn	
2.1	Từ ngã 3 Tân Nghĩa (Công ty Petec) đến giáp đường rẽ mới và đường rẽ mới ra QL 20 {Từ thửa 348(54B) đến thửa 324(54B - 46CBTN), tiếp thửa 268(54B) đến thửa 202(54B - 46CBTN), tiếp từ đầu đến hết thửa 420(54D - 49CBTN)}	554
2.2	Từ đường rẽ mới đến đường vào thôn Kbrạ cũ (Trường tiểu học Tân Nghĩa 1) {Từ thửa 125(54B) đến thửa 300(54B -46 CBTN), tiếp thửa 80(54A) đến thửa 18(54A -45CBTN), tiếp thửa 156(30C) đến thửa 03(30C - 40CBTN), tiếp thửa 226(30A) đến hết thửa 72(30A - 34CBTN)}	382
2.3	Từ đường rẽ và thôn K' Brạ cũ đến hết trung tâm xã (hết cây xăng ông Thuấn, cửa hàng vật liệu xây dựng Phương Chác) {Từ thửa 69(30A -34 CBTN), + tiếp thửa 451(29B) đến hết thửa 326(29B - 33CBTN), +tiếp thửa 52 (30A) đến hết thửa 47(30A - 34CBTN) đến + thửa 45 và 46 (30A - 34CBTN)}	532
	Từ đất Cửa hàng Vật liệu xây dựng Phương Chác đến cầu Be và đến hết cầu Ciment.	
2.4	Từ đất Cửa hàng Vật liệu xây dựng Phương Chác đến ngã 3 đường đi thôn Gia Bắc 1, thôn Gia Bắc 2 {Từ thửa256 (30A - 34CBTN) tiếp thửa 354 (5D) đến hết thửa 187(5D - 27 CBTN)}	320
2.5	Đoạn đường ngang từ cầu Be đến hến cầu Ciment { từ thửa 136 (5D) đến hết thửa 198 (5D - 27CBTN)	318
2.6	Từ cạnh cầu Ciment đến hết đường nhựa mới {Từ thửa 111(5D) đến thửa 221(5D - 27CBTN), tiếp thửa 108(5C) đến thửa 03(5C - 26CBTN), tiếp thửa 85 (59 - 59CBTN) đến hết thửa 42 (59-59 CBTN)}	266
2.7	Từ cầu Be đến hết trường học thôn Gia Bắc 2 { Từ thửa 131(5D) đến thửa 46 (5D - CBTN), tiếp thửa 129 (6C) đnến thửa 121 (6C -28 CBTN), + tiếp thửa 29 (6A) đến + thửa 01(6A -18 CBTN), + tiếp thửa 39 (5B) đến + thửa 06 (5B - 16 CBTN), + tiếp thửa 103 (3D) đến + thửa 02 (3D - 09CBTN), + tiếp thửa 63 (3B) đến hết thửa 40 (3B - 05CBTN)}	133

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
3	Các nhánh rẽ :	
3.1	Từ đất cây xăng ông Thuấn đến hết ngã tư đất nhà ông Chắt { từ thửa 03 (30A)đến + thửa 23 (30A - 34 CBTN), + tiếp thửa 01 (30B)đến + thửa 07 (30B - 35CBTN), + tiếp thửa 318 (6D)đến + thửa 127 (6D - 29CBTN)}	206
3.2	Từ ngã 4 đất nhà ông Chắt hết dốc K'Ben giáp ranh xã Đinh Lạc { từ thửa 128 (6D) đến + thửa 36 (6D-29CBTN), + tiếp thửa 15 (7C) đến hết thửa 40 (7C - 54CBTN)	176
3.3	Từ giáp đất nhà ông Chiến thôn lộc châu 1đến đầu đường rẽ lên đất nhà ông Chắt lộc châu 2 { từ thửa 243 (30A)đến + thửa 24 (30A - 34CBTN), + tiếp thửa 04 (30B)đến + thửa 15 (30B - 35CBTN), + tiếp thửa 108A (6D)đến hết thửa 124B (6D - 29CBTN)}	182
3.4	Từ đất nhà ông Hưng lộc châu 1đến hết đất nhà ông Vĩnh thôn Lộc Châu 1{ từ thửa 249 (30A) đến hết thửa 84 (30A - 34CBTN)}	157
3.5	Các nhánh rẽ cách QL20 70 mét vào thôn Đồng đò	242
3.6	Nhánh rẽ vào thôn Đồng Đò hẻm 1 từ thửa 261(54C) đến hết thửa 237(54C-48CBTN)	240
3.7	Nhánh rẽ vào thôn Đồng Đò hẻm 2 từ thửa 505(54C) đến hết thửa 245(54C-48CBTN)	240
3.8	Nhánh rẽ vào thôn Đồng Đò hẻm 3 từ thửa 627(53D) đến hết thửa 457(53D-47CBTN)	240
3.9	Nhánh rẽ vào thôn Đồng Đò hẻm 4 từ thửa 498(54C) đến hết thửa 488(54C-48CBTN)	240
4	Đoạn sau trường học từ hẻm 1 đến hẻm 2 từ thửa 513(54C) đến hết thửa 508(54C-48CBTN)	235
4.1	Đoạn từ cuối hẻm 1 đến cuối hẻm 2 từ thửa 236(54C) đến hết thửa 330(54C-48CBTN)	230
4.2	Nhánh rẽ vào thôn Đồng Lạc từ thửa 562(54C) đến hết thửa 275A(54C-48CBTN)	240
4.3	Nhánh rẽ vào thôn Đồng Lạc từ thửa 364(54C) đến hết thửa 371(54C-48CBTN)	240
4.4	Nhánh rẽ vào thôn Đồng Lạc từ thửa 424(54C) đến hết thửa 438(54C-48CBTN)	240
4.5	Nhánh rẽ vào thôn Đồng Lạc từ thửa 538(54C) đến hết thửa 537(54C-48CBTN)	240
4.6	Các đoạn còn lại, các nhánh rẽ vào thôn Đồng đò, vào thôn Đồng lạc	145
4.7	Từ ngã 3 đất nhà ông Điền thôn lôc châu 1 đến hết đất nhà ông Khởi lộc châu 1{ từ thửa 179 (6C)đến hết thửa 144 (6C - 28CBTN)}	133
4.8	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Linh vào đến hết sân Bóng thôn K'Brạ { từ thửa 173 (54C) đến + thửa 23A (54C - 48CBTN), + tiếp thửa 496 (54A) đến hết thửa 487 (54A - 45CBTN)	424

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
4.9	Từ sân bóng thôn K'Brạ đến hết đường nhựa {từ thửa 486 (54A)đến + thửa 469 (54A - 45CBTN), + tiếp thửa 751 (53B) đến hết thửa 819 (53B -44 CBTN)}	242
5	Từ đất nhà ông Tương thôn K'brạ đến hết đường {từ thửa 92 (54C)đến + thửa 56 (54C - 48CBTN), + tiếp thửa 139 (53D)đến hết thửa 632 (53D - 27CBTN)}	182
5.1	Các nhánh rẽ còn lại của thôn K'brạ	121
5.2	Các nhánh còn lại của thôn Tân Nghĩa	
	Hẻm 01 từ thửa 113 (54B-46CBTN) đến hết thửa 02(54B-46CBTN)	170
	Hẻm 02 từ thửa 67 (54A-45CBTN) đến hết thửa 650(54A-45CBTN)	175
	Hẻm 03 từ thửa 114 (30C-40CBTN) đến hết thửa 611(30C-40CBTN)	175
	Hẻm 04 từ thửa 20 (30C-40CBTN) + tiếp thửa 204 (30A-34CBTN) đến hết thửa 182(30A-34CBTN)	170
5.3	Các đoạn, nhánh rẽ, hẻm còn lại của thôn Tân Nghĩa (không thuộc điểm 5.2)	121
6	Từ ngã 3 đất nhà ông Huy, Lộc châu 3 đến ngã 3 đất nhà ông Thạo lôc châu 3 { từ thửa 78 (5D) đến hết thửa 21 (5D - 27CBTN)	182
7	Từ đất nhà ông Đinh Gia Hoàng, lộc châu 3 đến ngã 3 hết đất nhà ông Thạo lôc châu 3 {Từ thửa 51(5D) đến hết thửa 22 (5D - 27CBTN)	121
8	Từ đất nhà ông Hữu lộc châu 4 đến giáp đường nhựa đến hết nhánh rẽ { từ thửa 145 (5C) đến hết thửa 272 (5C - 26CBTN)	133
9	Từ đất nhà ông Tuyến lộc châu 4 đến hết thôn Gia bắc 1 { Từ thửa 100 (61CBTN)đến + thửa 96 (61CBTN), +tiếp thửa 28 (5B)đến hết thửa 18 (5B - 16CBTN)}	121
10	Từ đoạn hết đường nhựa mới đến hết thôn Gia bắc 1 { Từ thửa 41 (59) đến + thửa 05 (59 - 59 CBTN), + tiếp thửa 72 (63-56CBTN)đến hết thửa 01 (63-56 CBTN)}	121
11	Các đoạn nhánh rẽ còn lại của thôn Lộc Châu 1,2,3,4 và thôn Gia Bắc 1	109
12	Đoạn còn lại của đường Gia bắc 2 và Các nhánh rẽ của thôn Gia bắc 2	109
XII	**Xã Đinh Lạc**	
*	**Đất dọc trục giao thông chính -Qlộ 20**	
1	Từ cây xăng Tân Nghĩa đến cây xăng Phú Thịnh { Tính từ thửa 13(54D) đến thửa 78(54D-26CBTN), + tiếp thửa 190(55C) đến hết thửa 456(55C-27CBTN)}	886
2	Từ cây xăng Phú Thịnh đến hết Trường tiểu học Đinh Lạc { Tính từ thửa 411(55C) đến hết thửa 175(55C-27CBTN)}	759
3	Từ Trường tiểu học Đinh lạc đến giáp xã Gia Hiệp { Tính từ thửa 174(55C) đến thửa 170(55C-27CBTN), + tiếp thửa 145(55D) đến + thửa 446(55D-28CBTN), + tiếp thửa 299(55B) đến + thửa 81(55B-23CBTN), + tiếp thửa 10(56A) đến + thửa 24(56A-24CBTN), + tiếp thửa 160(32C) đến + thửa 94(32C-19CBTN), + tiếp thửa 123(32D) đến hết thửa 95(32D-20CBTN)}	592

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
*	**Đường vào thôn**	
1	Từ QL20 đường vào thôn Tân Lạc	
1.1	Từ giáp QL20 đường vào thôn Tân Lạc đến nghĩa địa đồng lạc { Tính từ thửa 243(54B) đến + thửa 18(54B-21CBTN), + tiếp thửa 695(30D) đến hết thửa 680(30D-16CBTN)}	357
1.2	Từ Nghĩa địa đồng lạc đến trường Mẫu giáo Tân Lạc { Tính từ thửa 425(30D) đến + thửa 430(30D-16CBTN), + tiếp thửa 81(31C) đến + thửa 29(31C-17CBTN và thửa 210 (31A) đến + thửa 195(31A - 12CBTN) + thửa 194(31A) đến hết thửa 148(31A-12CBTN)}	267
1.3	Từ trường mẫu giáo Tân Lạc đến trường tiểu học Tân Lạc { Tính từ thửa 146(31A) đến + thửa 143(31A-12CBTN), tiếp thửa 246(31B) đến + thửa 259(31B-13CBTN), + tiếp thửa 293(7D) đến hết thửa 157(7D-8CBTN)}	240
1.4	Các nhánh đường rẽ còn lại của thôn Tân Lạc 1, 2, 3	128
2	Từ QL20 đi vào đồi 1001	
2.1	Từ giáp QL20 đường vào đến ngã 3 đến hết đất nhà ông Hải thôn Đồng Lạc 4 { Tính từ thửa 244(54B) đến thửa 153(54B-21CBTN) + tiếp thửa 141(55A) đến hết thửa 135(55A-22CBTN)}	242
2.2	Hai nhánh từ ngã 3 QL 20 vào 400 mét tính từ thửa 146(55A-21CBTN) đến + thửa 82(55A) và tiếp thửa 146(55A-21CBTN đến hết thửa 89(55A-21CBTN)	153
2.3	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn Đồng Lạc 4	128
3	Từ QL20 vào thôn Duệ	
3.1	Từ giáp QL20 vào đến hết đất trường cấp II Đinh Lạc { Tính từ thửa 43(54D) đến hết thửa 475(54D-26CBTN)}	395
3.2	Từ cạnh trường cấp II Đinh Lạc đến hết đường vào thôn Duệ { Tính từ thửa 474(54D) đến thết thửa 346(54D-26CBTN)}	215
3.3	Từ giáp QL20 vào đến hết sân bóng (cạnh nhà máy thiếc) { Tính từ thửa 74(54D) đến hết thửa 152(54D-26CBTN)}	242
3.4	Từ sân bóng Thôn Duệ (Đồng Lạc 2) vào đến ngã 3 đất nhà ông K'Cài { Tính từ thửa 471(54D) đến hết thửa 502(54D-26CBTN)}	217
3.5	Các nhánh rẽ còn lại của thôn Duệ (thôn Đồng Lạc 2)	141
4	Đường hông chợ Đinh Lạc	
4.1	Từ QL 20 vào Hội trường thôn Đồng Lạc 1 { Đường sau chợ Đinh Lạc Tính từ thửa 172(54B) đến hết thửa 174(54B)	363
4.2	Các nhánh rẽ còn lại của thôn Đồng Lạc 1 (Không tính các nhánh rẽ của đường Tân Lạc)	242
5	Từ QL20 vào thôn K'Quynh cạnh cây xăng bà Nguyệt { Từ QL 20 giáp cây xăng Phúc Thịnh vào hết đường thôn KaoKuil từ thửa 205(55C) đến hết thửa 279(55C-27CBTN)}	128
6	Từ QL20 vào đến giáp ranh đất nhà ông Dư bà Nhung chia làm 2 đoạn	

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
6.1	Từ ngã 3 QL 20 cạnh nhà bà Nhung, ông Dư đến hết nhà bà Trung, ông Vụ { từ thửa 176(55C) đến hết thửa 296(55C-27CBTN)}	184
6.2	Các đoạn nhánh còn lại của thôn đồng lạc 3, thôn 2	128
6.2.1	Các nhánh có khoảng cách từ QL 20 vào dưới 200 mét	143
6.2.2	Các nhánh có khoảng cách từ QL 20 từ 200 mét trở lên	128
7	Từ QL20 cạnh hội trường vào thôn Đồng Lạc 3	
7.1	Từ QL 20 cạnh hội trường thôn Đồng lạc 3 vào đến hết ngã 3 nhà ông Châu {Từ thửa 91(55D) đến hết thửa 104(55D-26CBTN)}	184
7.2	Các đoạn nhánh còn lại của thôn đồng lạc 3	128
8	Từ QL20 cạnh nhà thờ Tân Phú đường vào suối (Tân Phú 1)	128
8.1	Đoạn đường ngang sau nhà thờ Tân Phú từ thửa 162(32C) đến hết thửa 238(32C-19CBTN)	128
8.2	Đoạn từ giáp QL 20 vào đến nghĩa địa Tân Phú	116
9	Từ QL20 vào đến Nghĩa trang Tân phú 1 { Các đoạn, nhánh đường ngang sau nhà thờ Tân Phú đi vào suối Drioum - phía nam QL 20 (thôn Tân Phú 1, Tân Phú 2)}	162
10	Từ QL20 vào đường đến giáp ranh đất sở Bảo Nam (sửa thành)	
	Từ QL20 đất nhà ông Lưu vào đến hết đất nhà bà Mùi { Từ thửa 49(32C) đến hết thửa 429(32C-19CBTN)}	157
	Từ giáp đất nhà bà Mùi đến suối thôn tân phú 1 { Từ thửa 428(32C) đến hết thửa 230(32A-14CBTN)}	128
11	QL20 vào giáp ranh xã Bảo Thuận	
	Từ QL20 vào đến hết sân bóng K'Kuil {Từ thửa 87(55C) đến hết thửa 316(55C-27CBTN)}	277
	Từ sân bóng K'Quynh đến ngã 3 Lâm Trường {Từ thửa 132(79B) đến hết thửa 837(79B-34CBTN)}	165
	Từ ngã 3 Lâm Trường đến giáp Bảo Thuận { Từ thửa 547(79C) đến hết thửa 218(79C-37CBTN)}	209
12	Các đoạn còn lại, nhánh rẽ còn lại của thôn K'Kuil	116
13	Các đoạn nhánh, rẽ còn lại của thôn Tân phú 2, Tân phú 1(Phía bắc QL 20)	110
14	Từ QL20 vào ngã tư hết đất nhà bà Bảo { Từ giáp QL 20 đoạn đất nhà ông Cương vào ngã 4 đất nhà bà Bảo Từ thửa 136(32B) đến hết thửa 148(32B-15CBTN)}	182
15	Từ sân bóng Tân phú 2 vào đến ngã 4 đất nhà bà Bảo { Từ thửa 14(32D) đến hết thửa 280{32D-20CBTN)}	154
16	Từ ngã tư cạnh đất nhà bà Bảo vào đầu dốc Minh ngũ { Từ thửa 140(32B) đến hết thửa 124(32B-15CBTN)}	154
17	Từ ngã tư giáp đất nhà bà Bảo vào nhà Chòn { Từ thửa 147(32B) đến hết thửa 65(32B-15CBTN)}	154

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
18	Từ QL20 cạnh cây xăng PecTes đến hết đất cây xăng Pectes { Đoạn giáp thửa đất của Công ty Petec đến giáp ranh xã Tân Nghĩa từ thửa 180(54B) đến hết thửa 130(54B-21CBTN)}	495
19	Từ đất nhà ông Xuyên đến ngã 3 đất nhà ông Vượng { Từ thửa 233(32C) đến + thửa 74(32C-19CBTN) + tiếp thửa 357(32A) đến hết thửa 289(32A-14CBTN)}	182
XIII	**Xã Gia Hiệp**	
1	**Đất dọc trục giao thông chính -Qlộ 20 (sửa thành)**	
1	{Từ km167 giáp xã Đinh Lạc đến khu dân cư Phú Gia từ thửa 40(32D-64 CBTN) đến hết thửa 82 (33C-43CBTN)}	581
2	{Từ km168 đến km169 (Giáp thửa 82(43 CBTN) khu dân cư Phú Gia đến hết khu dân cư Phú Gia)}	607
3	{Từ giáp ranh khu dân cư Phu Gia đến hết UBND xã Gia Hiệp từ thửa 105(33C-43CBTN) đến hết thửa 303(33D-44CBTN) (giáp ranh khu dân cư Phú Gia đến hết đường vào nhà Nguyện thôn 1)	607
4	{Từ UBND xã Gia Hiệp đến km171 (hết đất Nhà thờ Phú Hiệp) (từ giáp ranh đường vào thôn 1 thửa 305(34C) đến hết ngã 3 đường vào trường Mẫu giáo thôn 2 hết thửa 490(34C - 47CBTN)	694
5	{Từ km171 đến ngã ba đi vào thôn 3 - Gia Hiệp { từ giáp ranh trường Mẫu giáo thôn 2 từ thửa 303(34C-47CBTN) đến hết đường vào thôn Phú Hiệp 3 hết thửa 698(34C-47CBTN) (vào nhà bà Thái)}	670
6	{Đường vào thôn Phú Hiệp 3 từ thửa 489(34-47CBTN) (vào nhà bà Thái) đến ngã 3 đường vào trường Tiểu học Phú Hiệp đến hết thửa 509(34D-48CBTN)	610
7	{Từ ngã 3 đường vào trường Tiểu học Phú Hiệp từ thửa 148(34D-48CBTN) đến ngã 3 đường vào thôn 3 đến hết thửa 62(35C-50CBTN)	510
8	{ Từ ngã ba thôn 3 - Gia Hiệp từ thửa 126(35C-50CBTN) đến giáp xã Tam Bố	387
2	**Đường vào thôn**	
1	Từ QL20 vào thôn 8	
1.1	Từ ngã 3 QL20 đất nhà bà An đến hết đất nhà ông Tỉnh thôn 8 - {Thửa 82(32D) đến hết thửa 161(32D - 64 CBTN)}	190
1.2	Từ khúc cua đất nhà ông Tỉnh thôn 8 đến hết đất nhà ông Tráng thôn 8 - {Thửa 161(32D) đến + thửa 226(32D -64 CBTN) + tiếp thửa 212(33C) đến hết thửa 94(33C - 43 CBTN)}	126
1.3	Từ ngã 3 đất nhà ông Tiến thôn 8 đến giáp ranh xã Đinh Lạc {Thửa 164(32D) đến hết thửa 165(32D-64CBTN)}	124
1.4	Từ ngã 3 đất nhà ông Mai đến ngã 3 đường vào thôn 8 hết đất nhà ông Nam - {Thửa 220(32D) đến+ thửa 231(32D -64 CBTN) +tiếp thửa 27(56B) đến+ thửa 157(56B - 62 CBTN) +tiếp thửa 4(57A) đến hết thửa 15(57A - 52 CBTN)}	120
1.5	Từ ngã 3 giáp đất nhà ông Nam đến ngã 3 hết đất nhà ông Đáng thôn 8 {Thửa 15(57A) đến thửa 25(57A - 52CBTN)}	140

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
1.6	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Du đến ngã 3 giáp đất nhà ông Đáng thôn 8 - {Thửa 105(33C) đến+ thửa 220(33C - 43 CBTN) +tiếp thửa 49(57A) đến hết thửa 25(57A - 52 CBTN}	240
1.7	Từ ngã 3 đất nhà ông Túy đến hết đất nhà bà Nhị thôn 8 từ thửa 112(33C) đến +thửa 111(33C - 43 CBTN), + tiếp đến hết thửa 391(33D - 44 CBTN}	210
1.8	Từ ngã 3 đất nhà ông Đạo đến hết đất nhà ông Việm thôn 8 từ thửa 121 33C) đến +thửa 124(33C - 43 CBTN) +tiếp đến hết thửa 396(33D - 44 CBTN}	190
1.9	Từ ngã 3 đất nhà ông Tảo đến hết đất nhà ông K'Bét thôn 8 từ thửa 220 33C) đến +thửa 221(33C - 43 CBTN), +tiếp thöûa 395 (33D) đến hết thửa 396(33D - 44 CBTN}	187
2	Các nhánh rẽ còn lại của thôn 8	120
2	Từ QL20 vào thôn 5a	
2.1	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Thật đến hết đất nhà ông Công thôn 5a (Thửa 79 (33C) đến hết thửa 57 33C 43 CBTN)	190
2.2	Từ ngã 3 đất nhà ông Mươi thôn 5a đến ngã 4 hết đất nhà ông Hưng thôn 5a từ thửa (Thửa 68 (33C) đến + thửa 60 (33C- 43CBTN), + tiếp thửa 179 (33D) đến hết thửa 164 (33D) 44CBTN	210
2.3	Từ ngã 3 giáp đất nhà ông Công thôn 5a đến ngã 4 hết đất nhà ông Tâm thôn 5a (Thửa 57 (33C) đến + thửa 59 (33C 43CBTN), + tiếp thửa 52 (33D) đến hết thửa 63 (33D) 44CBTN	190
2.4	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Tình thôn 5a đến ngã 3 hết đất nhà ông Nghuệ thôn 5a (Thửa 557 (33D) đến thửa 179 (33D) 44CBTN)	170
2.5	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Tiến đến ngã 3 hết đất nhà ông Biếm thôn 5a (Thửa 585 (33D) đến hết thửa 182 (33D) 44CBTN)	170
2.6	Từ ngã 3 đất nhà ông Anh đến hết đất nhà ông Diên (Thửa 146 (33C) đến + thửa 73 (33C) 43CBTN), + tiếp thửa 180(33D) đến hết thửa 192(33D-44CBTN)	145
2.7	Các nhánh rẽ, đoạn rẽ còn lại của thôn 5a	110
3	Từ QL20 vào thôn 5b	
3.1	Từ ngã 3 QL20 đất nhà bà Ngọt đến hết đất nhà ông Thọ thôn 5b Thửa 160 (33C) đến hết thửa 02 (33C) 43CBTN, +tiếp thửa 66 (33A) đến hết thửa 67 (33A- 41 CBTN)	190
3.2	Từ ngã 3 QL20 đất cống trại phong đến hết đất nhà bà Thủy thôn 5b Thửa 87 (33C) đến hết thửa 36 (33C) 43CBTN, +tiếp thửa 20 (33A) 41 CBTN đến hết thửa 16 (33A) 41 CBTN	170
3.3	Từ ngã 3 đất nhà ông Triều đến ngã 3 đất nhà ông Sinh (Thửa 39 (33C) đến + thửa 54 (33C- 43CBTN)	140
3.4	Từ ngã 3 đất nhà ông Luận đến đất nhà bà Oanh thửa 35 (33C- 43 CBTN đến hết thửa 55 (33C-43 CBTN	145
3.5	Các nhánh rẽ, đoạn còn lại của thôn 5B	120

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
4	Từ QL20 vào thôn 1	
4.1	Từ ngã 3 QL20 (phân hiệu trường tiểu học Gia Hiệp) đến ngã 4 hết đất nhà ông K'Việt thôn 1 Thửa 291 (33D) 44 CBTN đến hết thửa 418 (33D) 44CBTN	218
4.2	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Xuân đến giáp cụm Công nghiệp thôn 1 ngã 3 hết đất nhà ông Hải Thửa 305 (33D) đến hết thửa 699 (33D) 44CBTN, +tiếp thửa 14 (57B) đến hết thửa 35 (57B) 53CBTN	365
4.3	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Đảng đến ngã 3 hết đất nhà ông Luân thôn 1 Thửa 308 (33D) đến hết thửa 699 (33D -44CBTN), +tiếp thửa 16 (57B) đến hết thửa 105(57B- 53CBTN)	265
4.4	Từ ngã 3 QL20 đất nhà bà Đương đến hết đất nhà ông K'Brên thôn 1 Thửa 310 (33D) đến hết thửa 480 (33D-44CBTN)	243
4.5	Từ ngã 3 đất nhà ông Hải đến ngã 3 hết đất nhà ông Lộc thôn 1 Thửa 352 (57) đến hết thửa 348 (57B -53CBTN), +tiếp thửa 521 (57B -53CBTN), tiếp đến hết thửa 496 (57D -54CBTN)	265
4.6	Từ ngã 4 đất nhà ông K' Bêl đến hết đất nhà ông K' Brót Thửa 346 33D (44)đến hết thửa 384 (33D 44CBTN)	264
4.7	Từ ngã 3 đất nhà ông K'Nhés thôn 1 đến ngã 3 hết đất nhà ông K'Nhêm thôn 1 Thửa 382 (33D)đến hết thửa 343 (33D -44CBTN)	264
4.8	Từ ngã 3 đất nhà ông K'Tieân thôn 1 đến hết đất nhà ông K'Hềm thôn 1 Thửa 704 (33D)đến hết thửa 364 (33D -44CBTN)	238
4.9	Từ ngã 3 đất nhà ông Phong đến hết đất nhà ông Bổ thôn 1 Thửa 458 (33D) đến hết thửa 695 (33D 44CBTN) +tiếp thửa 01 (57D)đến hết thửa 04 (57D 54CBTN)	242
4.10	Từ ngã 3 đất nhà ông Kính đến hết ngã 3 giáp đất nhà ông Tĩnh thửa 732 (57B) đến hết thửa 63 (57B- 53CBTN)	165
4.11	Các Đoạn đường rẽ, nhánh rẽ còn lại của thôn 1	121
5	Từ QL20 vào thôn 7	
5.1	Từ ngã 3 QL20 đất nhà bà Kim thôn 7 đến ngã 3 hết đất nhà ông Quốc Thửa 319 (33D) 44CBTN, +tiếp thửa 439 (34C) 47 CBTN đến hết thửa 503 (34C) 47CBTN, + tiếp thửa 03 (58A) 55CBTN đến hết thửa 192 (58A) 55CBTN	346
5.2	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Vò thôn 7 đến ngã 4 hết đất nhà ông Nguyên thôn 7 thửa 339 (34C) 47 CBTN đến hết thửa 401 (34C) 47CBTN, +tiếp đến hết thửa 230 (58A) 55CBTN	364
5.3	Từ QL 20 đất nhà ông Hùng đến ngã 3 hết đất CTTNHH Hòa Phát thửa 354 (34C) đến hết thửa 440 (34C- 47CBTN), +tiếp đến thửa 22 (58A) đến hết thửa 57(58A) 55CBTN	370
5.4	Từ ngã 4 giáp đất nhà ông Nguyên thôn 7 đến hết đất nhà ông Thành thôn 7 thửa 06 58A 55 CBTN đến hết thửa 138 58A 55CBTN, + tiếp thửa 07 (58C -57CBTN) đến hết thửa 10 (58C -57CBTN)	310
5.5	Từ ngã 3 đất nhà ông Thuất đến ngã 3 đất nhà ông Thìn thửa 331 (33D -44 CBTN) đến hết thửa 325 (33D -44 CBTN)	310

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
5.6	Từ ngã 3 đất nhà ông Khuyến đến hết đất nhà ông Chương thửa 408 (34C- 47 CBTN) đến hết thửa 409 (34C -47CBTN), +tiếp thửa 682 (33D -44CBTN) đến hết thửa 602 (33D -44 CBTN)	310
5.7	Từ ngã 3 đất nhà ông Thái đến hết đất nhà ông Phúc thửa 438 (34C) 47 CBTN, + tiếp thửa 332 (33D) 44CBTN đến hết thửa 336 (33D) 44 CBTN	264
5.8	Từ ngã 3 đất nhà ông Lược đến hết đất nhà ông Kiểm thửa 03 (58A) đến hết thửa 01 (58A -55CBTN), + tiếp thửa 23(57B)53CBTN đến hết thửa 352 (57B) 53 CBTN	242
5.9	Từ ngã 4 đất nhà ông Nguyên thôn 7 đến ngã 3 hết đất nhà ông Hải thôn 7 thửa 30 (58A) đến hết thửa 252 (58A) 55CBTN, + tiếp thửa 376 (57B) đến hết thửa 352 (57B) 56 CBTN	285
5.10	Từ ngã 3 B'Sụt đất nhà ông Thanh đến hết đất nhà ông hưởng thửa 94 (58A) đến hết thửa 252 (58A) 55CBTN + tiếp thửa 316 (58B) đến hết thửa 51 (58B) 56CBTN	178
5.11	Từ ngã 3 đất nhà ông Hòa đến ngã 3 đất nhà ông K' Joih thửa 107 (58A) 55CBTN+ tiếp thửa 313 (58B) 56CBTN đến hết thửa 46 (58B) 56CBTN	160
5.12	Từ ngã 3 đất nhà ông Đại đến ngã 4 đất nhà ông Long thửa 49 (58A) 55CBTN đến hết thửa 54 (58A) 55CBTN	180
5.13	Từ ngã 3 đất nhà bà Ngọt đến ngã 3 hết đất nhà ông Hùng thửa 93 (58A) đến hết thửa 241 (58A) 55CBTN tiếp thửa 354 (57B) đến hết thửa 343 (57B) 53 CBTN	135
5.14	Các nhánh rẽ, đoạn rẽ còn lại trong thôn 7	121
6	Từ QL20 vào thôn Gia Lành	
6.1	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Hùng đến ngã 3 đến hết đất nhà ông Tám thôn gia lành thửa 257 (33D) 44CBTN đến hết thửa 154 (33D) 44CBTN	310
6.2	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Khoa đến ngã 4 đến hết đất nhà ông Hưởng thôn gia lành thửa 247 (33D) đến hết thửa 130 (33D) 44CBTN	365
6.3	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Hà đến ngã 4 hết đất nhà ông Đồng thôn gia lành thửa 242 (33D) đến hết thửa 618 (33D- 44CBTN)	365
6.4	Từ ngã 4 đất nhà bà Hữu đến ngã 3 hết đất nhà ông Hảo thửa 81 (33D) đến hết thửa 22 (33D) 44CBTN	287
6.5	Từ ngã 4 đất nhà ông Lực đến ngã 4 hết đất nhà bà Vòng thửa 193 (33D) đến hết thửa 212 (33D-44CBTN)	287
6.6	Từ ngã 4 đất nhà ông Ngọc đến ngã 4 hết đất nhà ông Phê thửa 152 (33D) 44CBTN đến hết thửa 122 (33D) 44CBTN	286
6.7	Từ ngã 4 đất nhà ông Tâm đến ngã 3 hết đất nhà ông Hảo thửa 63 (33D) đến hết thửa 22 (33D) 44CBTN	265
6.8	Từ ngã 4 đất nhà bà Miều đến hết đất nhà kho HTXDVNN Gia Lành thửa 67 (33D) đến hết thửa 14 (33D) 44CBTN	265
6.9	Từ ngã 3 đất nhà ông Nhuận đến hết đất nhà ông Khoáng thửa 194 (33D) 44CBTN đến hết thửa 200 (33D) 44CBTN	265

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
6.10	Từ ngã 4 đất nhà ông Lực đến ngã 4 hết đất nhà bà Vòng thửa 193 (33D) đến hết thửa 154 (33D)44CBTN xin hủy bỏ điểm 6.10 năm 2013 vì bị trùng lắp với điểm 6.1 {hủy bỏ năm 2013)	
6.11	Các nhánh rẽ, đoạn rẽ còn lại trong thôn Gia Lành	121
7	Từ QL20 vào thôn 2	
7.1	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Tiến đến ngã 3 hết đất nhà ông K'Nhim thôn 2 thửa 490 (34C) 47CBTN đến hết thửa 208 (34C) 47CBTN	290
7.2	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Của đến ngaõ 3 hết đất nhà ông Bắc thôn 2 thửa 324 (34C) 47CBTN đến hết thửa 204 (34C) 47CBTN	280
7.3	Từ ngã 3 đất nhà ông K'Mé đến hết đất nhà ông Dọn thôn 2 thửa 240 (33D) đến hết thửa 667 (33D) 44CBTN, + tiếp thửa 583 (34C) đến hết thửa 272 (34C) 47CBTN	245
7.4	Từ ngã 4 đất nhà ông Tự đến ngã 3 hết đất nhà ông Dọn thôn 2 thửa 121 (33D) đến hết thửa 94 (33D) 44CBTN +tiếp thửa 260 (34C) đến hết thửa 272 (34C) 47CBTN	236
7.5	Từ ngã 3 đất nhà ông Đồng đến ngã 3 hết đất nhà ông Bắc thôn 2 thửa 618 (33D) đến hết thửa 494 (33D) 44CBTN +tiếp thửa 212 (34C) đến hết thửa 204 (34C) 47CBTN	210
7.6	Các nhánh rẽ, đoạn rẽ còn lại của thôn 2	121
8	Từ QL 20 vào thôn Phú Hiệp 3	
8.1	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Công đến hết đất nhà bà Mát (khúc cua) thửa 319 (34C) đến hết thửa 199 (34C) 47CBTN	309
8.2	Từ ngã 3 giáp đất nhà ông Diện đến ngã 3 hết đất nhà ông Tâm thửa 160c (34C) đến hết thửa 546 (34C) 47CBTN	264
8.3	Từ QL20 đất nhà ông Thái thôn Phú Hiệp 3 đến ngã 3 hết đất nhà ông Ký phú hiệp 3 thửa 303 (34C- 47CBTN) đến hết thửa 173 (34C- 47CBTN)	364
8.4	Từ QL20 (Chợ phú hiệp) thôn phú hiệp 3 đến hết đất nhà ông Lựu (ngã 3 giáp đường ngang) thửa 169 (34D -48CBTN) đến hết thửa 93 (34D -48CBTN)	387
8.5	Từ ngã 4 đất nhà ông Tiện đến hết đất nhà ông Ngọ thôn phú hiệp 3 thửa 50 (34D -48CBTN) đến hết thửa 42 (34D- 48CBTN), + tiếp thửa 434 (34C-47CBTN) đến hết thửa 09 (34C -47CBTN), + tiếp thửa 58 (34A- 45CBTN) đến hết thửa 398 (34A- 45CBTN)	286
8.6	Từ ngã 4 đất nhà ông Thảo đến ngã 3 hết đất nhà ông Chiểu thửa 157 (34C-47CBTN) đến hết thửa 131 (34C -47CBTN)	220
8.7	Các nhánh rẽ, đoạn rẽ còn lại của thôn phú hiệp 3	121
9	Các đường vào thôn phú hiệp 2	
9.1	Từ ngã 3 QL20 nhà bà Thảo đến hết đất nhà ông Phụng thửa 357 (34C) 47CBTN, + tiếp đến hết thửa 64 (58A) 55CBTN, + tiếp thửa 223 (58A) đến hết thửa 64 (58A) 55CBTN	310
9.2	Từ QL20 đất nhà ông Tắc thôn phú hiệp 2 đến ngã 3 hết đất nhà ông Khánh thửa 456 (34D) đến hết thửa 286 (34D) 48CBTN	265

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
9.3	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Bảo đến ngã 3 hết đất nhà ông Bao thôn phú hiệp 2 thửa 172 (34D) đến hết thửa 331 (34D) 48CBTN	270
9.4	Từ ngã 3 đất nhà ông Tăng thôn phú hiệp 2 đến ngã 3 hết đất nhà ông Hiển thửa 11 (58a) đến hết thửa 14 (58A) 55CBTN, + tiếp thửa 559 (34D) đến hết thửa 305 (34D) 48CBTN	220
9.5	Từ ngã 4 đất nhà ông Phụng đến ngã 4 hết đất nhà ông Cự thửa 64 (58A) đến hết thửa 56 (58A) 55CBTN	170
9.6	Các nhánh rẽ, đoạn rẽ còn lại của thôn phú hiệp 2	121
10	Đường vào thôn Phú Hiệp 1	
10.1	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Thanh đến ngã 3 Sân bóng Phú xuân hết đất nhà bà Vui thửa 504 (34D) đến hết thửa 86 (34D) 48CBTN	365
10.2	Từ ngã 3 Sân bóng phú xuân thôn phú hiệp 1 đến ngã 3 hết đất nhà ông Vệ thửa 56 (34D) đến hết thửa 12 (34D) 48CBTN, + tiếp thửa 225 (34B) đến hết thửa 25 (34B) 46CBTN	240
10.3	Từ ngã 3 QL20 đất nhà bà Nhạn đến cổng văn hóa thôn 3 hết đất nhà bà Khen thửa 62 (35C) đến hết thửa 07 (35C) 50CBTN, + tiếp thửa 153(35A) đến hết thửa 151 (35A) 49CBTN	280
10.4	Từ ngã 3 QL 20 đất nhà bà Cảnh đến ngã 3 hết đất nhà ông Bảo Thửa 128 (35C) đến hết thửa 10(35C 50CBTN)	180
10.5	Từ ngã 3 QL 20 đất nhà ông Trung đến ngã 3 hết đất nhà ông Lành Thửa 133 (35C) đến hết thửa 173 (35C 50CBTN)	180
10.6	Từ ngã 3 QL 20 đất nhà ông Hùng đến ngã 3 hết đất nhà bà Lý Thửa 147 (35C) đến hết thửa 156 (35C 50CBTN)	180
10.7	Từ ngã 3 QL 20 đất Công ty TNHH Duy Minh đến ngã 3 hết đất nhà bà KimThửa 279 (35D) đến hết thửa 288 (35D 51CBTN)	180
10.8	Từ ngã 3 sân bóng Phú Xuân đất nhà bà Nga đến hết đất nhà bà The Thửa 57 (34D) đến hết thửa 68 (34D 48CBTN)	210
10.9	Từ ngã 3 đất nhà ông Trình đến ngã 3 hết đất nhà bà Hảo Thửa 113 (34D) 48CBTN đến hết thửa 106 (34D 48CBTN)	187
10.10	Từ ngã 4 đất nhà ông Tiên đến ngã 3 hết đất nhà ông Tuất Thửa 50 (34D) đến + thửa 06 (34D 48CBTN), + tiếp thửa 225 (34B) đến hết thửa 25(34B - 46CBTN)	187
10.11	Các nhánh rẽ, đoạn đường ngang còn lại của thôn phú hiệp 1	121
11	Từ QL20 đường vào thôn 3	
11.1	Từ cổng văn hóa thôn 3 đến ngã 3 hết đất nhà K'brốk thửa 119 (35A 49CBTN) đến hết thửa 23 (35A - 49CBTN)	287
11.2	Từ ngã 3 đất nhà K' Brét đến ngã 3 hết đất nhà ông Tùng thửa 125(35A) đến hết thửa 29 (35A- 49CBTN), + tiếp thửa 129 (23) đến hết thửa 126 (23CBTN), + tiếp thửa 23 (24) đến hết thửa 26 (24CBTN)	265
11.3	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn 3	121
11.4	TIẾP THÔN GIA LÀNH	

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	Từ ngã 3 đất nhà ông Bến đến ngã 4 hết đất nhà ông Tâm từ thửa 197(33D) đến hết thửa 63(33D-44CBTN)	220
	Từ ngã 3 đất nhà ông Tuấn đến ngã 3 hết đất nhà ông Thạch từ thửa 199(33D) đến hết thửa 151(33D-44CBTN)	165
	Từ ngã 3 đất nhà ông Hoan đến ngã 3 hết đất nhà ông Vân từ thửa 203(33D) đến hết thửa 141(33D-44CBTN)	165
	Từ ngã 3 đất nhà ông Đồng đến ngã 3 hết đất nhà ông Cơ từ thửa 211(33D) đến hết thửa 129(33D-44CBTN)	165
	Từ ngã 3 QL 20 đất nhà ông Lợi đến ngã 3 hết đất nhà ông Vinh từ thửa 243(33D) đến hết thửa 127(33D-44CBTN)	187
XIV	**Xã Tam Bố**	
1	**Đất dọc trục giao thông chính -Qlộ 20**	
1	Từ đỉnh đèo giáp xã Gia Hiệp đến hết ngã 3 đất đỏ (giáp đất nhà ông Nguyên)	
	Từ đỉnh đèo giáp xã Gia Hiệp đến hết nhà ông Thành (Yến) { Từ đất bà Ánh thửa 386(35D) đến hết thửa 364(35D), + tiếp thửa 1088(59B-7CBTN) đến hết thửa 785(59B- 7CBTN)	260
	Từ giáp đất nhà ông Thành (Yến) đến hết ngã 3 đất đỏ (giáp đất nhà ông Nguyên) Từ thửa 904(59B- 7CBTN) đến hết thửa 516(59B- 7CBTN), + tiếp thửa 1078(60A-8CBTN) đến hết thửa 1084(60A-8CBTN) đất nhà ông Nguyên}	253
2	Từ ngã 3 đất nhà ông Nguyên đến hết cây xăng ông Hùng { Từ đất nhà ông Cường thửa 817(60A-8CBTN) đến + thửa 1012(60A-8CBTN), + tiếp thửa 807(60B-9CBTN) đến hết cây xăng ông Hùng + thửa 424(60B-9CBTN)	535
3	Từ giáp cây xăng ông Hùng trở đi đến hết đất nhà ông Bảy Lùn (Chùa Quan Âm) {Từ đất ông Nghiêm thửa 428(60B-9CBTN) đến hết đất nhà ông Bảy lùn + thửa 402(60B-9CBTN) + hết đất chùa Quan Âm + thửa 701(60B-9CBTN)	449
4	Từ giáp chùa Quan Âm đến hết cầu Đạ Le (giáp ranh huyện Đức Trọng) { Từ chùa Lạc Quốc thửa 708(60B-9CBTN) đến + thửa 384(60B-9CBTN), + tiếp thửa 219(61A-10CBTN) đến hết đất nhà ông Tư Bắc + thửa 79(61A-10CBTN)	239
2	**Đường vào thôn**	
1	Từ ngã 3 chùa Chưởng Phước vào thôn 4, thôn 5	
	Từ ngã 3 vào đến hết đất nhà ông Nguyễn Ngọc Tân { Từ ngã 3 thửa 1163(60A-8CBTN) đến hết đất ông Tân + thửa 929(60A-8CBTN)}.	231
	Từ giáp đất nhà ông Nguyễn Ngọc Tân đến ngã 5 thôn 4, thôn 5 { Từ thửa 1248 (60A-8CBTN) đến + thửa 1253(60A-8CBTN), + tiếp thửa 145(60C-12CBTN) đất ông Tiến đến ngã tư thửa 207 (60C-12CBTN) đến ngã 3 + thửa 299(60C-12CBTN) đến ngã 3 + thửa 319(60C-12CBTN) đến ngã tư + thửa 676(60C-12CBTN) đến ngã 5+ thửa 696(60C-12CBTN) đất ông K'Briêng}	139

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
2	Từ ngã 3 QL20 (nhà bà Vĩnh đi thôn 4, thôn 5)	
	Từ ngã 3 QL20 đất nhà bà Vĩnh đến ngã 3 hết đất nhà ông Điệp { Từ thửa 1302 (60A-8CBTN) đến + thửa 1000(60A-8CBTN) đến + thửa 1175 (60A-8CBTN), + Tiếp thửa 846(60C-12CBTN) đến hết thửa 889(60C-12CBTN)}	370
	Đọan còn lại tiếp thửa 1153(60A-8CBTN) + thửa 987 + thửa 989 (60A-8CBTN)	150
	Từ đất trạm kiểm lâm đến ngã 5 của thôn 4, thôn 5 { Từ thửa 138 (60C-12CBTN) đến hết thửa 692(60C-12CBTN)}	242
3	Từ giáp ngã 5 thôn 4 đến ngã 3 Suối đá	
	Từ giáp ngã 5 thôn 4 đến ngã 3 Suối đá { Từ thửa 800(60C-12CBTN) đến + thửa 977 (60C-12CBTN), + Tiếp thửa 61 (84A-15CBTN) đến + thửa 68(84A-15CBTN), + tiếp thửa 43(84B-16CBTN) đến + thửa 383(84B-16CBTN), + tiếp thửa 1(84D- 17CBTN) đến hết thửa 214 (84D-17CBTN)}	121
	Đọan còn lại tiếp thửa 45(84D-17CBTN) + thửa 278(84B-16CBTN) + thửa 553(84D-17CBTN) + thửa 54(1584A-CBTN).	100
4	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Ba Trang vào đến cầu Hiền Nhân.	
	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Ba Trang đi đến hết đất nhà ông Thành đường đi Nghĩa trang thôn Hiệp Thành 2 { Từ thửa 804(60B-9CBTN) đến + thửa 799 (60B-9CBTN) đến+ thửa 819(60B-9CBTN),+ tiếp thửa 613 (36D-3CBTN) đến +thửa 494(36D-3CBTN), + tiếp thửa 158(37C- 2CBTN) đến + thửa 128(37C-2CBTN) đến + thửa 97(37C-2CBTN), + tiếp thửa 592(36D-3CBTN) đến + thửa 83(37C-2CBTN) + thửa 48(37C -2CBTN)}	151
	Từ ngã 3 đường đi Nghĩa trang đến giáp cầu Hiền nhân { Từ thửa 48(37C-2CBTN) đến + thửa 3(37C-2CBTN) tiếp + thửa 13(37A-1CBTN) đến hết thửa 11(37A-1CBTN)}.	128
	Đọan còn lại từ thửa 30(37C-2CBTN)đến + thửa 53(37C-2CBTN) đến + thửa 82(37C-2CBTN) đến + thửa 98 (Tờ 37C-2CBTN)	100
5	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Thịnh đến hết đất nhà ông Hồng Cống Dìu thôn Hiệp Thành 1	
	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Thịnh đến hết đất nhà ông Hồng Cống Dìu thôn Hiệp Thành 1 { Từ thửa 838(59B-7CBTN) đến hết thửa 671(59B-7CBTN)}.	128
	Đọan còn lại giáp thửa 671(59B-7CBTN) đến hết thửa 535(59B- 7CBTN)	104
6	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Hậu đến giáp đất nhà ông Hồng Cống Dìu thôn Hiệp thành 1 { Từ thửa 957(59B-7CBTN) đến hết thửa 682 (59B-7CBTN)}	110
7	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Hùng (Tâm) đến ngã 3 hết đất nhà ông Vạn ông Hùng thôn Hiệp Thành 2	
	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Hùng (Tâm) đến ngã 3 hết đất nhà ông Vạn ông Hùng thôn Hiệp Thành 2 { Từ thửa 332(60B-9CBTN) đến hết thửa 2(60B-9CBTN)}	151

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	Đoạn còn lại giáp thửa 5(60B-9CBTN) đến + thửa 537(36D-Tờ 3CBTN) đến + thửa 539(36D- 3CBTN)	102
8	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Minh đi ngang đất nhà ông K'Long trường cấp 2 thôn Hiệp thành 4 { Từ thửa 689(60B-9CBTN) đến + thửa 924(60B-9CBTN) đến + thửa số 438(60B-9CBTN) trường Cấp II Tam Bố, + tiếp thửa 7(60D-11CBTN) đến hết thửa 2(60D-11CBTN)	145
9	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Nhã ông Sồ đến ngã 3 hết đất nhà ông Phước thôn Hiệp thành 2 { Từ thửa 362(60B-9CBTN) đến + thửa 285(60B-9CBTN) đến + thửa 264 (60B-9CBTN) đến hết thửa 280(60B-9CBTN)}	139
10	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Khiêm đến ngã 3 hết đất nhà ông Cà thôn Hiệp thành 2 {Từ thửa 275(61A-10CBTN) đến + thửa 186(61A-10 CBTN), + tiếp thửa số 122 (37C-2CBTN) đến hết thửa 128(37C-2CBTN)}.	151
11	Đoạn từ ngã 3 đất nhà ông Drong Kim Sơn thôn 4 đi ngang nhà ông Hoàng Văn Định thôn 4, ngang nhà K'Bruih (Nước sạch) đến ngã 5 thôn 4, thôn 5 { Từ thửa 615(60B-9CBTN) đến + thửa 617 (60B-9CBTN), + tiếp thửa 123 (60D-11CBTN) đến + thửa 135(60D-11CBTN) đến + thửa 138 (60D-11CBTN) đến + thửa 433 (60D-11CBTN) đến + thửa 1469 (60D-11CBTN), + tiếp thửa 869(60C-12CBTN) đến hết thửa 927(60D-11CBTN)}	116
12	Đoạn từ ngã 3 đất nhà ông Lộc, ông Hương thôn Hiệp thành 2 đến ngã 3 đất nhà bà Nghĩa - Thà đến ngã 3 lò thuốc lá hết đất nhà ông Thành thôn hiệp thành 2 { Từ thửa 704(60B-9CBTN) đến + thửa 835(60B-9CBTN), + tiếp thửa 509(36D-3CBTN) đến + thửa 505(36D-3CBTN) đến + thửa 490(36D-3CBTN) đến hết thửa 441(36D-3CBTN)}	116
13	Đoạn từ ngã 3 trạm Kiểm lâm đến ngã 3 hết đất nhà ông K'Briuh thôn 5 { Từ thửa 136(60C-12CBTN) đến + thửa 219 (60C-12CBTN) đến hết thửa 956(60C-12CBTN)}	139
14	Các đoạn nhánh rẽ còn lại trong khu dân cư thôn 5 { Từ thửa 285 đến + thửa 140 đến + thửa 215 đến + thửa 242 đến + thửa 264 đến + thửa 292 (60C-12CBTN)}	116
15	Từ ngã 5 đất nhà ông K'Bái (thửa 206 tờ bản đồ số 60c) đến hết đất nhà ông Hoàng (thửa 191 tờ bản đồ số 60c) thôn 5 {Chia làm 2 đoạn}	
	Từ ngã 5 đất nhà ông K'Bái (thửa 206 tờ bản đồ số 60c) đến hết đất nhà ông Hoàng (thửa 191 tờ bản đồ số 60c) thôn 5	110
	Đoạn còn lại {Từ thửa 909(60C-12CBTN) đến + thửa 122(60C-12CBTN) đến +thửa 192(60C-12CBTN)	102
16	Từ ngã 3 đất nhà ông K'Tơ thửa 299 tờ bản đồ số (60c-12CBTN) đến hết đất nhà Eh Nai + thửa 629 (tờ bản đồ số 60c) đi ngang sân bóng đến hết đất K'La A + thửa 671 tờ bản đồ số (60c-12CBTN) qua sân bóng đến hết đất nhà ông K'Đầu + thửa 694 (tờ bản đồ số 60c) giáp ngã 3 thôn 5	110

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
17	Từ đất nhà ông Oánh đến hết đất nhà ông Lê Hoa thôn Hiệp Thành 2 giáp thôn 4 { Từ thửa 790(60B-9CBTN) đến hết thửa 437(60B-9CBTN)}.	165
18	Từ đất nhà bà Hạt (thửa 741 tờ bản đồ số 9) giáp ngã 3 đến hết đất nhà ông Huệ, thôn Hiệp Thành 2 giáp thôn 4 { Từ thửa 741(60B-9CBTN) đến hết thửa 955(60B-9CBTN)}.	121
19	Từ ngã 3 QL20 đất nhà bà Tần (thửa 345 tờ bản đồ số 9) đến hết đất nhà ông Tuyến (thửa 327 tờ bản đồ số 9) Hiệp thành 2 { Từ thửa 345(60B-9CBTN) đến hết thửa 327(60B-9CBTN)}.	165
20	Từ ngã 3 đất nhà ông An (thửa 452 tờ bản đồ số 9) đến hết đất nhà ông Thái (thửa 455 tờ bản đồ số 9) Hiệp thành 2 { Từ thửa 718(60B-9CBTN) đến hết thửa 456(60B-9CBTN)}.	121
21	Từ ngã 3 đất nhà ông Định (thửa 614 tờ bản đồ số 9) đến hết đất nhà ông Thảnh (thửa 762 tờ bản đồ số 9) Hiệp thành 2 {Từ thửa 863(60B-9CBTN) đến + thửa 762(60B-9CBTN) đến hết thửa 527(60B-9CBTN)}.	110
22	Từ ngã 3 QL20 đất nhà bà Sen (thửa 346 tờ bản đồ số 9) đến hết đất nhà bà Thanh (thửa 328 tờ bản đồ số 9) Hiệp thành 2 { Từ thửa 346(60B-9CBTN) đến hết thửa 328(60B-9CBTN)}.	165
23	Từ ngã đất nhà bà Khúm (thửa 777 tờ bản đồ số 60A) đến hết đất (thửa 370 tờ bản đồ số 60A) Hiệp thành 1 { Từ thửa 777(60A-8CBTN) đến + thửa 370(60A-8CBTN) đến hết thửa 606(60A-8CBTN}.	132
24	Từ ngã 3 (thửa 1241 tờ bản đồ số 60A) đến hết (thửa 662 tờ bản đồ số 60A) Hiệp thành 1 { Từ ngã 3 chợ nhà ông Luận thửa 744(60A-8CBTN) đến + thửa 662(60A-8CBTN) đến hết thửa 417(60A-8CBTN}.	165
25	Từ ngã 3 đường đi Nghĩa trang (thửa 48 tờ bản đồ số 37C) đến hết (thửa 74 tờ bản đồ số 36D) { Từ thửa 48(37C-2CBTN) đến hết thửa 74(36D-3CBTN)}.	98
26	Từ ngã 3 QL 20 đất nhà ông Bằng (thửa 489 tờ bản đồ số 7) đến hết (thửa 855 tờ bản đồ số 7) { Từ thửa 489(59B-7CBTN) đến hết thửa 796(59B-7CBTN}.	132
27	Từ ngã 3 QL 20 đất nhà ông Lộc(Linh) đến hết đất nhà ông Nhiên { Từ thửa 914(60A-8CBTN) đến + thửa 1052(60A-8CBTN)), + Tiếp thửa 978 (60C-12CBTN) đến hết thửa 152 (60C-12CBTN) .	120
28	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Ngân đến hết đất nhà ông Thăng Thôn Hiệp Thành 1 {Từ thửa 29(59B-7CBTN) đến + thửa 8(59B-7CBTN)), + Tiếp thửa 317 (35D-4CBTN) đến hết nhà ông Thăng + thửa 371 (35D-4CBTN)}	120
29	Từ ngã 3 QL 20 đất nhà ông Thành đến hết đất nhà ông Niền thôn Hiệp Thành 1 { Từ thửa 24(59B-7CBTN) đến + thửa 27(59B-7CBTN) đến + thửa 852(59B-7CBTN)}	120
30	Từ đất nhà ông Thành đến hết đất nhà ông Bình thôn Hiệp Thành 1{ Từ thửa 29(28) đến hết đất nhà ông Bình hết thửa 1(28)}	110
31	Từ ngã 3 QL 20 đất nhà ông Tú đến hết đất nhà ông Hòa thôn Hiệp Thành 2 { Từ thửa 92(61A-10CBTN) đến hết thửa 217(61A-12CBTN)}	110

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
32	Từ ngã 3 QL20 đất ông Khương đến hết đất nhà ông Khương { Từ thửa 891(60B-9CBTN) đến hết thửa 886(60B-9CBTN)}	140
33	Từ ngã 3 QL 20 đất nhà ông Thân đến hết đất nhà ông Châu { Từ thửa 738(60A8-CBTN) đến hết thửa 745(60A-8CBTN)}	110
34	Từ ngã 3 QL20 đất nhà ông Nguyên đến hết đất nhà bà Dần Thôn Hiệp Thành 1 { Từ thửa 1233(60A-8CBTN) đến hết thửa 787(60A-8CBTN)}	126
35	Đoạn nhánh còn lại trong khu dân cư thôn Hiệp Thành 1 và thôn Hiệp Thành 2	95
36	Đoạn nhánh còn lại trong khu dân cư thôn 4 và thôn 5	90
37	Từ ngã 3 đất nhà ông Chương (Ly) đến hết đất nhà ông Vinh từ thửa 628(60B) đến hết thửa 1286(60A)	100
38	Từ ngã 3 Khu quy hoạch đến giáp đất nhà ông Quý (Hạnh) từ thửa 975(60B) đến hết thửa 633(36D)	120
39	Từ ngã 3 giáp đất nhà ông Vỵ (Khu quy hoạch) đến hết đất nhà ông Quang từ thửa 977(60B) đến hết thửa 958(60B)	130
40	Từ ngã 3 giáp đất nhà ông Đông (Khu quy hoạch) đến giáp đất nhà ông Quang từ thửa 973(60B) đến hết thửa 650(36D)	125
XV	**Xã Gung Ré**	
1	**Đất dọc trục giao thông chính -Qlộ 20(giáp ranh thị trấn Di Linh)**	
1	Đường Mọ Kọ từ thửa 1158 tờ bản đồ 07 đến hết thửa 23 tờ bản đồ 07	1.247
2	Từ giáp thị trấn Di Linh đến hết đất nhà bà Toan (Từ đất nhà ông Khương đến đầu đường K' Đen) Từ thửa 22 đến hết thửa18 tờ 07	1.167
3	Từ đầu đường K'Đen đến cổng thôn văn hóa K'Ming	639
4	Từ cổng trào thôn văn hóa K'Ming đến ngã 3 hết trường học K'Ming	614
5	Từ trường học K'Ming đến hết đất nhà ông K'Brem thửa 133 đến hết thửa số 161 tờ 02	447
6	Từ đất nhà ông K'Gos đến ngã 3 giáp đất nhà ông K'Sét Tam Bou thôn K'Ming từ thửa 78 tờ 02 nhà ông K' Sáu đến hết thửa 07 tờ 02 nhà ông K' Nhim	241
7	Từ đất nhà ông K'Brọh đến hết đất nhà ông K'Yim thôn K'Ming từ thửa 320 tờ 02 đến hết thửa 322 tờ 02	241
8	Từ hội trường thôn từ thửa số 264 tờ 02 đến hết thửa 220 tờ 02	280
9	Từ thửa 199 tờ 02 nhà ông K' Bràng đến hết thửa 97 tờ 02 nhà ông Molombôs	250
10	Đường Đồng Nai từ thửa 1099 đến hết thửa 97 tờ 07	250
11	Các nhánh rẽ còn lại của thôn K'Ming	241
12	Đầu đường K'Đen đến giáp đường Hoàng Văn Thụ từ thửa 18 tờ 7 đến giáp đường Hoàng Văn Thụ + thửa 169 tờ 7	664
13	Đường sân bóng tính từ đất nhà ông Cảnh thôn Di linh thượng 1 từ thửa 1152 tờ 7 đến giáp đường Mỏ Kọ	638
14	Đường Hoàng Văn Thụ giáp ranh khu 4 thị trấn Di Linh	1.074
15	Giáp thị trấn Di Linh (Đường Trần Quốc Toản)	

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	Từ ngã 3 đầu đường Trần Quốc Toản đến hết đất nhà ông Phú Râu đến hết thửa 278 tờ 07	804
	Đoạn từ giáp đất nhà ông Phụng đến hết đường vào Hồ Cá Phong Vân từ thửa 298 tờ bản đồ 07 đến thửa 1083 tờ bản đồ 07	290
	Đoạn còn lại của đường Trần Quốc Toản	357
16	Đương vào xã Bảo Thuận	
	Từ ngã 3 trại phong đến hết cổng trại phong	408
	Từ giáp cổng Trại phong đến hết mỏ đá	140
17	Từ cạnh mỏ đá đến cầu bê tông giáp ranh xã Bảo Thuận	
	Từ Mỏ đá thôn Long Trao 2 đến giáp đất nhà ông Phạm Văn Dũng từ thửa số 56 tờ 25 đến hết thửa 66 tờ 28	161
	Từ đất nhà ông Phạm Văn Dũng đến cầu bê tông giáp ranh xã Bảo Thuận Từ thửa số 67 tờ 28 đến cầu bảo thuận	191
2	**Dọc QL28**	
1	Từ giáp ranh với thị trấn Đường Lê Lợi cho đến ngã 3 đường di vào trại phong (Trạm Vi va)	765
2	Từ ngã 3 vào trại phong đến hết cầu I	751
3	Từ cạnh cầu I đến hết cổng đội chè Đăng Rách chia làm 2 đoạn	
	Từ cạnh cầu I đến hết đất nhà ông Hoàng Thái Bình số nhà 91 (2 bên đường) đến hết thửa số 162 tờ 36	546
	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Thái Bình số nhà 91 Từ thửa 07 tờ 42 nhà ông Lại Đức Hiển đến hết cổng đội chè Đăng Rách	521
4	Từ giáp cạnh cổng đội chè Đăng Rách đến đầu cầu II	662
5	Từ cạnh cầu II đến hết cầu III	463
6	Từ ngã ba chùa Linh Hải đến hết thửa 152 tờ 60	400
7	Từ cạnh cầu III Từ giáp thửa 152 tờ 60 đến hết nghiã địa Hàng Hải	450
8	Từ cạnh nghĩa địa Hàng Hải đến hết cụm dân cư (cầu 4)	171
9	Đoạn còn lại đến giáp ranh xã Sơn Điền	88
10	Đường vào thôn Di Linh thượng 1	
	Từ đất nhà ông Tính thôn Di linh thượng 1 đến hết đất nhà ông Tam Bou Riu thôn Di Linh Thượng 1 từ thửa 221 tờ bản đồ 07 đến hết thửa327 tờ bản đồ 07	183
	Từ ngã 3 đất nhà bà Hoa Di Linh Thượng 1 đến hết đất nhà ông K'Bréo từ thửa 1055 tờ bản đồ 07 đến hết thửa 320 tờ bản đồ 07	183
	Từ ngã 3 đất nhà bà K thép Di Linh thượng 1 đến hết đất nhà ông Kming từ thửa 217 tờ bản đồ 07 đến hết thửa 290 tờ bản đồ 07	146
	Đoạn, nhánh còn lại của thôn Di Linh Thượng 1	116
11	Đường vào thôn KLongTrao 2	
	Từ ngã 4 đất nhà ông Lượng từ thửa số 72 (20) đến trạm ViBa	219
	Ngã 3 QL28 giáp Xưởng cưa đến hết đất nhà ông Long hết thửa số 01(27)	183
	Từ ngã 3 QL28 cổng thôn văn hóa KLongTrao 2 đến đất nhà ông Dương đến thửa số 63(35)	183

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	Đường vào thôn K'Long Trao 1	130
	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của Thôn K'Long Trao 1, K'Long Trao 2	110
12	Đường vào thôn Đăng Rách	
	Từ ngã 3 QL28 đất nhà ông Cát (thửa số 91 tờ 36) đến cổng thôn văn hóa Đăng Rách	171
	Từ ngã 3 QL28 nhà ông Thành đến hết đường nhựa khu b thôn Đăng Rách từ thửa 28 (tờ 41) đến hết thửa số 56 tờ 41	183
	Từ đất nhà ông Tiến đến hết đường nhựa khu 24 từ thửa 167 tờ bản đồ 40 đến thửa 140 tờ bản đồ 40	174
	Đường vào khu suối đá cầu I đến hết đất nhà ông Nghĩa từ thửa 86 đến hết thửa 74 tờ 36	151
	Từ cầu Đạ Dàm giáp thị trấn Di Linh đến giáp đất chè 2-9	150
	Các nhánh rẽ còn lại của thôn Đăng Rách	135
13	Đường vào thôn Lăng Kú	
	Từ ngã 3 Ql28 đất nhà ông Hùng đến ngã 3 hết đất nhà ông Nam từ thửa số 83 tờ 47 đến hết thửa 87 tờ 47	183
	Từ trạm xá xã Gung Ré đến giáp đất nhà ông Nam thôn Lăng Kú đến hết thửa số 87 tờ 47	180
	Từ ngã 3 nhà ông K'Địp thôn Lăn Kú đến hết đất nhà KaHóc từ thửa số 53 đến hết thửa số 19 tờ bản đồ 47	146
	Từ ngã 3 QL28 cây xăng Linh nhung đến trạm y tế xã	159
	Từ ngã 3 giáp đất nhà ông Nam cách 100 mét đến đất nhà bà Mến từ thửa số 12 tờ 47 đến hết thửa 10 tờ 48	135
	Các nhánh rẽ còn lại của thôn Lăng Kú	116
14	Đường vào thôn Hàng Hải	
	Từ ngã 3 QL 28 đất nhà ông Nghĩa đến hết đất nhà ông Chiến từ thửa số 186 đến hết thửa số 139 tờ bản đồ 47	146
	Từ ngã 3 QL 28 đất nhà ông Tỉnh đến ngã 3 giáp đất nhà ông Đê từ thửa số 138 tờ 54 đến hết thửa số 128 tờ bản đồ 53	159
	Từ đất nhà ông Đê đến giáp đất của đồi thông từ thửa 129(53) đến hết đường nhựa	135
	Từ ngã 3 đất nhà ông Huế đến hết đất nhà bà Lê từ thửa số 129 tờ 54 đến hết thửa 35 tờ 53	146
	Từ ngã 3 đất nhà ông Khẩn đến hết đất ông Kiêm từ thửa số 120 tờ 54 đến hết thửa số 24 tờ 53	146
	Đoạn còn lại của đường đất đỏ thôn hàng hải	135
	Từ ngã 3 QL 28 đất nhà ông Chu đến hết đất nhà ông Quý từ thửa số 213 tờ 65 đến hết thửa số 103 tờ 59	159
	Từ ngã 3 QL28 đất nhà ông Thuật đến hết đất nhà bà Vân từ thửa số 152 tờ 60 đến hết thửa số 144 tờ 60	146

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
	Từ ngã 3 QL28 đất nhà ông Lệnh đến hết đất nhà ông Tào từ thửa số 73 tờ 60 đến hết thửa số 05 tờ 60	135
	Các đoạn, nhánh rẽ còn lại của thôn Hàng Hải	122
15	Đường vào thôn Hàng Làng	
	Từ ngã 3 QL28 đất nhà ông Trịnh từ thửa 694(17) đến hết đường nhựa	183
	Từ ngã 3 QL28 đất nhà ông Thanh đến ngã 3 giáp đất nhà ông Truân từ thửa số 195 tờ 54 đến hết thửa 98 tờ 54	160
	Từ đất nhà ông Truân từ thửa 96(54) đến sân bóng thôn hàng Làng	183
	Các nhánh rẽ còn lại của thôn Hàng Làng	122
16	Đường thôn Di Linh Thượng 2	
	Từ ngã 3 đất nhà ông Hùng đến ngã 3 giáp đường K'Đen từ thửa số 1016 tờ 07 đến hết thửa số 1152 tờ 07	549
	Các nhánh rẽ còn lại của thôn Di Linh Thượng 2	174
	Từ đất nhà ông Lang(Quyên) Từ thửa số 716 đến hết đường	174
	Từ đất nhà ông Mời đến hết đất nhà ông k'Brôi Từ thửa 30 tờ 07 đến hết thửa 43 tờ 07	174
	Từ đất nhà bà Toan đến hết đất nhà ông Năm Từ thửa 1012 tờ 07 đến hết thửa 42 tờ 07	174
	Từ đất nhà ông Phong đến hết đất nhà ông Tây Từ thửa 10 tờ 07 đến hết thửa 07 tớ 07	174
XVI	**Xã Bảo Thuận**	
*	**Đất dọc trục giao thông chính**	
1	Từ cầu bê tông đến UBND xã Bảo Thuận (mương thủy lợi cũ) { [Từ thửa 18 (tờ 48) đến + thửa 11 (tờ 48), + tiếp thửa số 1 đến hết thửa 59 (tờ 49) (thuộc tờ bản đồ mới) (từ thửa 8 (14 cũ) đến thửa số 1, + tiếp thửa 814 (tờ 3 cũ) đến hết thửa 682 tờ (số 3 cũ)}	273
2	Từ mương thủy lợi đến hết ranh giới thôn KaLa 1 (N'Krọt) { Từ thửa 313 đến hết thửa số 8 (tờ 7 cũ)}	158
3	Từ đầu thôn N'Krọt đến giáp ranh xã Đinh Lạc { Từ thửa 105 đến thửa 173 (tờ 4 cũ), + tiếp thửa 54 (tờ 1) đến hết thửa 83 (tờ 1)}	133
4	Từ ngã 3 bưu điện xã đến cầu sắt DạR'iam (5 thôn phía nam của xã) { Từ thửa 52 (tờ 49 mới) đến hết thửa 61 (tờ 49 mới) thuộc thửa 841 (tờ 3 cũ) đế thửa 933(tờ 3 cũ)}	184
5	Từ cầu sắt DạR'iam đến giáp ranh nghĩa địa Nam Thuận { Từ thửa 634 đến hết thửa 1451 (tờ 8)	152
6	Từ thôn KaLa 2 đến thôn N'Krọt { xin sửa thành Từ thôn KaLa Tân Gu đến thôn Krọt sơk} { Từ thửa 316 (tờ 7) đến hết thửa 2 (tờ 7), + tiếp thửa 224 (tờ 4) đến + thửa 194 (tờ 4)}	127
7	Từ ngã 3 đất nhà ông Trường thôn Bảo Tuân đến hết thôn Bảo Tuân { Từ thửa 10 (tờ 14) đến hết thửa 59 (tờ 14)}	126
8	Từ thửa 80 (tờ 14) đến hết thửa 109 (tờ 14).	100

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
9	Từ ngã 3 thôn TaLy đi đến nghĩa địa Nam thuận { Từ thửa 619 (tờ 8 cũ) đến hết thửa 525 (tờ 8 cũ) thuộc thửa 5 đến hết thửa 322 (tờ 30 mới)}	121
10	Từ ngã 3 đất nhà ông Huấn thôn TaLy đến hết đất nhà ông K'Nhês]{ Từ thửa 823 (tờ 8 cũ) đến + thửa 1342 (tờ 8 cũ) thuộc thửa 175 đến hết thửa 227 (tờ 30 mới)	121
11	Các nhánh rẽ còn lại của thôn Bờ Sụt 2 sửa thành {Các nhánh rẽ còn lại của thôn Bờ Sụt }	88
12	Từ Nghĩa địa Nam Thuận đến chân đập thôn Hàng Hùng (sửa thành Hàng Ùng) { Từ thửa 1243 đến + thửa 1304 (tờ 8 cũ), + tiếp thửa 4 (tờ 33 mới) đến hết 238 (tờ 33 mới), + tiếp thửa 21 (tờ 36 mới) đến hết thửa 50 (tờ 36 mới) chấn đập hồ Ka La}	116
13	Từ ngã 3 đất nhà ông K'Brếp đến kênh mương thủy lợi thôn Kala 1 {Từ sân bóng thôn Ka La, thôn Rơ mis đến hết đường { Từ thửa 103 đến hết thửa 52 (tờ 4)}	96
14	Từ ngã 3 đất nhà ông K'Brèo thôn Kala 1 đến cổng văn hóa thôn Kala 2	128
15	Đường Thôn Ka La Tăng Gu từ thửa 189 đến hết thửa 1 (tờ 7)}	96
16	Đường thôn Hàng piơr Từ thửa 1282 giáp thửa 1288 đến hết thửa 1281 (tờ 8)]	128
17	Từ ngã 3 đất, quán nhà ông Huân đến khu Rỏ màng {sửa thành Đường khu vực Rờ Màng Từ thửa 64 (tờ 31) đến hết thửa 521 (tờ 31)}	116
18	Các nhánh rẽ, đoạn rẽ còn lại của đường vào các thôn	
18.1	Các nhánh rẽ, đoạn rẽ còn lại của các thôn Bảo Tuân, KaLa Tô Krềng, Ta Ly	95
18.2	Các nhánh rẽ, đoạn rẽ còn lại của các thôn KaLa Tăng Gu, Hàng Ùng	90
18.3	Các nhánh rẽ, đoạn rẽ còn lại của các thôn Kơ Nệt, Hàng Piơr, K'Rọt SơK, K'Rọt Dờng	88
XVII	**Xã Sơn Điền**	
	Từ quốc lộ 28 vào (km70)	
1	Từ ngã 3 giáp QL 28 (km70) vào đầu thôn LangBang	110
2	Đầu thôn Langbang đến cuối thôn Hà Giang {Từ thửa 12 đến + thửa 60(5) tiếp giáp tính từ thửa 56 đến + thửa 88(6) tiếp + thửa 1(9) đến + thửa 106(9) tiếp + thửa 1(13) đến hết thửa 18(13)}	119
3	Dọc quốc lộ 28 giáp ranh xã Gung Ré đến giáp ranh xã Gia Bắc	73
4	Thôn KaLiêng	
	Từ cuối thôn Hà Giang đến đầu thôn K'Liêng	101
	Tiếp từ đầu thôn K'Liêng đến đầu UBND xã	109
	Đường thôn K'Liêng từ thửa 38 đến + thửa 5(21) tiếp, giáp + thửa 18 đến hết thửa 2(22)	100
	Đường vào trườ cấp II Sơn Điền từ thửa 13 đến hết thửa 44(22)	110
5	Thôn Đăng Gia và thôn Bó Cao (trung tâm xã) { chia làm 2 thôn }	109
	Thôn Bó Cao (trung tâm xã) từ thửa 1290 + thửa 1266 đến hết thửa 807(23)	109
	Thôn Đăng Gia từ thửa 1 đến hết thửa 1121(28)	92

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
6	Thôn KonSỏh từ thửa 22 đến hết thửa 250(34) tiếp, giáp + thửa 475 đến hết thửa 705(35)	92
7	Thôn B'Nơm từ thửa 1125 đến hết thửa 184(23)	92
8	Các nhánh rẽ còn lại của thôn K'Liêng	80
9	Các nhánh rẽ còn lại của các thôn trong xã	75
XVIII	**Xã Gia Bắc**	
*	**Dọc QL28**	
1	Từ 2km từ thôn NaoSẻ đến thôn KaSá đến thôn Đạ Hồng (chia lại)	
	Từ km 70 đến đầu thôn Nao Sẻ đến + thửa 105(4)	110
	Từ đầu thôn Nao Sẻ từ thửa 177(4) đến hết thửa 294(9) (Thôn Ka Sá)	145
	Thôn Ka Sá từ thửa 1(11) đến hết thửa 227(11) (đầu thôn Đạ Hiong)	143
	Thôn Đạ Hiong từ thửa 4(16) đến hết thửa 67(16)	100
	Tiếp thôn Đạ Hiong từ thửa 3(18) đến hết đất Hạt phúc kiểm Gia Bắc	88
	Tiếp từ giáp đất trạm Phúc kiểm Gia Bắc đến giáp ranh tỉnh Bình Thuận	70
*	**Đường vào các thôn**	
2	Thôn Nao Sẻ	
	Từ thửa 160(4) đến hết thửa 142(4)	90
	Từ thửa 43(4) đến hết thửa 37(4)	88
3	Thôn Bộ Bệ (Khu vực rung tâm xã)	
	Từ thửa 166(9) đến hết thửa 307(9) đường nhựa	110
	Từ thửa 307(9) đến hết thửa 245(9) đường nhựa	115
	Từ thửa 213(9) đến hết thửa 203(9) đường cấp phối	100
	Từ thửa 209(9) đến hết thửa 289(9) đường nhựa	110
4	Đường thôn Ka Sá (Khu vực trung tâm xã)	
	Từ thửa 222(9) đến hết thửa 285(9) đường nhựa	115
	Từ thửa 47(12) đến hết thửa 120(12) đường nhựa	110
	Từ thửa 5(11) đến hết thửa 80(11) đường cấp phối	100
	Từ thửa 6(11) đến hết thửa 66(11) đường đất	95
5	Đường thôn Hà Giang	
	Từ thửa 10(12) đến hết thửa 119(12) đường cấp phối	88
6	Đường thôn Đạ Hiong	
	Từ thửa 135(11) đến hết thửa 8(11) đường nhựa	100
	Từ thửa 130(11) đến hết thửa 221(11) đường cấp phối	95
7	Các nhánh rẽ còn lại của thôn Bộ Bệ, Ka Sá	82
8	Các nhánh rẽ còn lại của các thôn trong xã	77

2. Khu Vực II: Đất ở tại nông thôn khu vực 2 gồm đất ven các trục lộ giao thông liên thôn tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất, cụm công nghiệp (không thuộc bảng giá tại điểm B. 1 nêu trên): 85.000đồng/m2.

3. Khu vực III: Là đất ở thuộc các khu vực còn lại : 65.000đồng/m2.

III. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP (không phải là đất ở):

Thực hiện theo Quy định tại Điều 10 và Điều 11, Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về ban hành quy định về nguyên tắc, phương pháp xác định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

IV. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:

1. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản:

Được xác định theo 3 khu vực và 3 vị trí như sau:

- Khu vực I: Gồm các thị trấn.
- Khu vực II: Là các xã không thuộc danh mục đặc biệt khó khăn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Khu vực III: Là các xã đặc biệt khó khăn (bao gồm cả các thôn đặc biệt khó khăn) đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Vị trí 1: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ thửa đất (lô đất) đến lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và liên xã trong phạm vi đến 500m.
- Vị trí 2: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ thửa đất (lô đất) đến lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và liên xã trong phạm vi từ trên 500m đến 1.000m.
- Vị trí 3: Các vị trí còn lại.

Khoảng cách để xác định vị trí thửa đất (lô đất) được xác định theo đường đi, lối đi vào đến thửa đất (lô đất).

a) Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2

STT	Khu vực	Đơn giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực I	28	22	14
2	Khu vực II			
	- Xã Tân nghĩa	27	21	13
	- Các xã còn lại thuộc khu vực II	23	19	12
3	Khu vực III	16	13	8

b) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2

STT	Khu vực	Đơn giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực I	35	27	17
2	Khu vực II			
	- Xã Tân nghĩa	33	25	16
	- Các xã còn lại thuộc khu vực II	28	22	14
3	Khu vực III	20	15	10

2. Giá đất nông nghiệp trong các trường hợp sau đây được nhân hệ số 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm của vị trí 1 cùng khu vực:

- Đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc địa bàn các xã.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

3. Giá đất nông nghiệp trong các trường hợp sau đây được nhân hệ số 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm của vị trí 1 cùng khu vực:

- Đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc địa bàn thị trấn.

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

4. Đất rừng sản xuất:

Đơn vị tính: nghìn đồng/m2

Số TT	Vị trí	Đơn giá
1	Vị trí 1: Là đất có mặt tiền tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ	16
2	Vị trí 2: Là đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã	13
3	Vị Trí 3: Là đất thuộc những vị trí còn lại	8

5. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng cảnh quan:

a) Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: tính bằng 90% giá đất rừng sản xuất có cùng vị trí.

b) Đất rừng cảnh quan: tính bằng 110% giá đất rừng sản xuất có cùng vị trí.

6. Giá đất đối với các loại đất nông nghiệp khác theo quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP:

Đất nông nghiệp khác là đất tại nông thôn sử dụng để xây dựng: Nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, thủy sản, xây dựng cơ sở ươm tạo cây giống, con giống; xây dựng kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp. Giá đất được xác định theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm cùng vị trí, cùng khu vực.

Trường hợp đất nông nghiệp khác nêu trên nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn, hoặc trước khi chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác thì diện tích này được xác định là đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở, thì giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực.

V. ĐỐI VỚI NHÓM ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG:

1. Đối với các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng (bao gồm: Đất chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây): Căn cứ vào giá các loại đất liền kề, có cùng vị trí, cùng khu vực đã được xác định mục đích sử dụng và thực tế của thửa đất (lô đất) để xác định giá cho phù hợp.

2. Đối với đất chưa sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng: Đối với đất chưa sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng, thì căn cứ vào giá đất cùng loại, cùng mục đích sử dụng để xác định giá./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Tiến